

CHU THÍCH

1. Ban Cố, **Tiền Hán Thư**, quyển 28 hạ, Địa lý Chí, trang 426, cột 4; trang 427, cột 1.
2. Phạm Việt, **Hậu Hán Thư**, quyển 33, Quận Quốc Chí, trang 710 cột 4; và trang 711 cột 1.
3. Đường Thái Tông Văn Hoàng Đế, **Tấn Thư**, quyển 15, Địa lý Hạ, trang 1120, 3 và 4.
4. **Cùng một chỗ như trên.**
5. Lương Trần Úc, **Tống Thư**, quyển 38, Châu Quận Chí, trang 1540 cột 4 và trang 1541, 1.
6. Trương Tôn và Vô Kỳ, **Tùy Thư**, quyển 31 Địa lý Hạ, trang 2440 cột 1 và 2.
7. Lê Hu, **Đường Thư**, quyển 41, Địa lý Tù, trang 3239 cột 2.4 và trang 3.40 cột 1.
— Âu Dương Tu, **Tán Đường Thư**, quyển 43, Địa lý Chí, trang 3735, 2, 3, và 4.
8. Xem « Chính trị cổ Việt » dưới thời Tống. Bảy giờ giấc làm Áo đã làm cho dân cổ Việt chết hơi quá sức nhiều.

CHƯƠNG THỨ TÁM

Chính trị cổ Việt dưới thời Bắc thuộc

CHÍNH TRỊ CỔ VIỆT DƯỚI THỜI BÁC THUỘC

Hoàn thành công việc thông nhất Trung quốc, Tần Thủy Hoàng (246-210 trước K.N.) đã bước thêm một bước nữa trên đà Nam Tiến. Năm 214 ông sai đại quân đi chinh phục miền Ngũ linh, lập ra các quận Nam hải, Quê lâm và Tượng. Theo địa đồ ngày nay, thì Nam hải nằm vào vùng Quảng đông, Quê lâm nằm vào vùng Quảng tây, còn Tượng thì không rõ. Quận Tượng, theo như tên của nó có thể cho biết, phải là cả vùng núi non bao la trùng điệp về phía Tây nam, thê giới của hoang thú, nhất là VOI. Có lẽ nó có nghĩa là một lĩnh thổ rộng lớn cần được chinh phục, hơn là đã bị chinh phục thực sự. (1)

Đền đời Tần Nhị thê (209-207), Trung quốc hỗn độn. Để tránh loạn ly, các nhà cầm quyền địa phương ai cũng nghĩ đến việc tự lập, trước là bảo vệ phần đất mình có bốn phần phải phòng giữ, sau là nuôi hy vọng gặp được cơ hội tốt để gây dựng nghiệp lớn. Viên Hiệu úy được nhà Tần đặt lên coi quận Nam hải, là Nhâm Ngao, cũng nghĩ như vậy. Không may ông lâm trọng bệnh, và phải giao quận Nam Hải cùng ý định to tát của ông lại cho viên lệnh Long xuyên, (thuộc quận Nam hải), là Triệu Đà. Nhâm Ngao mất rồi, Triệu Đà, nay đã mang chức Hiệu úy Nam hải, chuẩn bị việc thiết lập nước mới. Năm 207, ông xunu vương, đặt cho khu vực ông cai trị là nước Nam việt, gồm quận Nam hải, rồi quận Quê lâm, và cả quận Tượng, tức là miền bao la phải chinh phục ấy nữa. (2)

Vậy, để chinh phục, một năm nào đó không được rõ, Nam việt vương đền vùng cỏ Việt và

đánh bại Thục vương tử, con người bảy giờ đang cai trị dân Lạc việt. Nói rằng ông chiếm vùng đất mới này, nhưng ông không trực tiếp cai trị và chỉ sai sứ đến gọi là có sự hiện diện vậy thôi, chứ tất cả việc hành chánh vẫn còn nằm trong tay các Lạc tướng. (3)

Nhưng, không lâu sau, toàn cõi Trung quốc đã thu về quyền một người hùng là Lưu Bang, một nhà tướng và là một chính khách. Khởi nghĩa từ Hán trung vào năm 206 trước K.N., ông đã hùng dũng bành trướng thê lực, hạ được Hàng Vĩ, lên ngôi Thiên tử, lập ra nhà Hán, một triều đại lâu nhất trong lịch sử nước Tàu (202).

Vào năm 196. Hán Cao tổ (202-195) đã cho sứ mở đường giao hiếu với Triệu Đà và phong cho ông này làm Nam việt vương. Đền thời Võ đế (140-87), một vị vua vừa khôn ngoan vừa cương quyết, nhà Hán định tâm nói rộng quyền hành. Sau khi sai tướng Vệ Thanh đi đánh vùng tây bắc và lập thêm các quận Võ uy, Từ tuấn, Thuấn hoàng, Thiên triều lại sai tướng Lộ Bác Đức, với chức Phục ba tướng quân, đi đánh vùng Nam việt, và lập các quận ở bộ Giao chỉ (năm III trước K.N.). (4)

I. Chính trị thời Hán (202 trước Kỳ nguyên đến 220 sau Kỳ nguyên).

Trong thời Tây Hán, hay nói cho rõ hơn, từ khi nhà Hán thiết lập quận huyện ở cỏ Việt, cho đến loạn Vương mãng (9-22), việc cai trị không hề lại nhiều tài liệu. Chúng ta không biết được rõ ràng về chính sách cũng như về những người cầm quyền. Giữ chức thứ sử, tức là chức cai trị toàn bộ, chỉ thấy có những tên như Thạch Đái, Chu Chương, Đặng Nhượng. Giữ chức thái

thú, nghĩa là chức quan coi một quận, có các ông Tích Quang ở Giao chỉ, Nhâm Diên ở Cửu chân, hai người này đã từng để lại những thành tích tốt. (5)

Trong thời Đông Hán, những tên như Tô Định, thái thú Giao chỉ, và Mã Viện, vị Phục ba tướng quân đánh bại hai bà Trưng, đã được nói đến nhiều trong chương « lịch sử Lạc Việt ». Cũng trong thời này, lịch sử có ghi lại một số người và một số việc đáng lưu ý nữa. Về người chúng ta có Giả Tung, Sĩ Nhiếp, về việc chúng ta có loạn Lâm ấp, loạn Ô hứa.

a) LOẠN LÂM ẤP.

Dưới thời Hiếu thuận đế (126-144), ở quận Nhật nam, có người thủ lĩnh của dân Lâm ấp tên là Khâu Liên dền đánh phá. Đây là lần đầu tiên lịch sử nói đến thứ dân này. Trong dịp đó, viên trưởng lại huyện Tượng lâm bị giết. Thứ sử Giao chỉ lúc bấy giờ là Phàn Diên, lấy quân các quận Giao chỉ và Cửu chân có ý vào tiếp cứu Nhật nam. Nhưng binh sĩ ngại đi đánh giặc xa, nên vào tháng 7 năm Vĩnh hòa thứ hai (137) họ nổi loạn chống với cấp chỉ huy. Tuy loạn quân ở phủ đã bị Phàn Diên dẹp yên, tình hình ở Nhật nam càng thêm trầm trọng.

Năm sau, vào tháng năm, Ngụy sử Giả Xương, chỉ huy lực lượng của bộ Giao chỉ vào đánh Khâu Liên, không may ông này bị địch bao vây, hơn một năm không sao liên lạc tiếp tế được. Nếu binh sĩ đồn trú ở Giao chỉ không đủ sức dẹp loạn, có nhất định phải cắt đại quân ở các quận khác sang không? Đang khi triều đình nhà Hán bàn cãi về vấn đề đó, và có người đã đem ra ý kiến lấy bốn vạn quân ở các châu Kinh, Dương, Duyện, Dự, giao cho một vị đại tướng để đi chinh phạt,

Lý Cồ lại có những đề nghị rất thiết thực và hữu hiệu. Theo ông, không nên dùng võ lực cho bằng dùng chính trị. Đề bác bỏ đề nghị dùng võ lực, ông trình bày bảy lý lẽ sau đây :

1) Ở các châu Kinh, Dương, Duyện, Dự, tình hình chưa yên ổn.

2) Dân các châu đó đã bị động viên nhiều lần nay nếu ép họ tòng chinh nữa, lại bắt họ đi không hẹn ngày về, chắc chắn họ sẽ chống lại.

3) Miền nam nóng bức, đầy chướng khí, quân dền không quen thủy thổ mười người sẽ chết mất bốn năm.

4) Đường đi mệt nhọc, khi đến nơi, quân không còn sức để chèn dều.

5) Đường tiếp tế khó khăn, 60 vạn斛 gạo chưa thấm vào đâu . . .

6) Quân số tại không thể chống cự được mà đem quân của triều đình sang, ấy là như lấy lòng ruột mà che chân tay.

7) Quận Cửu chân ở gần, mà còn chưa chịu đi, thì sao quân ở xa lại chịu đi?

Lý Cồ nói chỉ cần chọn những người dũng lược, nhân huệ, đặt làm tướng soái sai sang Giao chỉ, và những người này sẽ điều khiển lực lượng địa phương để chống cự. Trước hết phải di cư dân và quan ở Nhật nam ra tạm trú tại Giao chỉ, rồi mộ người man di đánh lại với người man di. Ông đề nghị chọn cựu thứ sử Nam dương là Trương Kiều làm thứ sử, và cựu thứ sử Trường sa là Chúc Lương làm thái thú Cửu chân vì cả hai đều có kinh nghiệm nhiều. (6)

Hán triều đồng ý với Lý Cồ. Hai ông Kiều và Lương sang cò Việt dùng mưu lược trấn an được giặc Lâm áp.

Cách đó mấy năm, vào tháng 10 năm Kiến Khang thứ 5, (144), dân man đi ở Nhật nam lại nói dậy, đột phá quận huyện. Thứ sử Giao chỉ là Hạ Phương, người Cửu giang, dẹp yên được. (7)

b) LOẠN Ô HỮA: HAY GIAO CHỈ BỘ TRƯỚC THỜI SĨ NHIỆP.

Ở các quận Hợp phò và Giao chỉ có loại dân man gọi là dân Ô hữa. Năm đầu hiệu Quang hwa (178) đời Hán Linh đế (168-188) dân này đứng lên chống chính quyền Trung quốc. Dân man đi ở các quận Cửu châu, Nhật nam cũng nổi dậy hưởng ứng. Cả bộ Giao chỉ nơi nơi đều bị quấy phá, mà nhà chức trách thì nhu nhược, đánh dẹp không nổi, để cho tình trạng kéo dài năm này qua năm khác.

Cũng trong thời đó, đang khi thái thú Nam hải là Khổng Chi làm loạn, thì ở quận Giao chỉ lại có tên Lương Long kéo theo hàng vạn người công khai cướp bóc quận huyện. Bấy giờ Hán triều đặt Chu Tuân làm thứ sử Giao chỉ. Ông là người có tài, giỏi về lỗi liệu biện công việc. Khi ra đi nhậm chức, ông đã mộ năm nghìn gia binh đi với ông. Đền cương giới bộ Giao chỉ, ông dừng lại để dò xét tình hình rồi chia quân làm hai đạo tiền vào. Tại bộ, ông truyền hịch đi khắp nơi tuyên dương uy đức nhà Hán, hợp quân của ông với quân của bảy quận đánh phá bọn loạn tặc. Ông giết được Lưu Long, dẹp được loạn Ô hữa, vào mùa hạ năm 181. Bộ Giao chỉ lại được

binh an. (8)

Nhưng, những thái thú, thứ sử được đặt lên ở Giao chỉ, phần nhiều đều có lòng tham bạo. Lấy cớ xa triều đình họ ít sợ quyền cấp trên và do đó tìm đủ cách để bóc lột sức lao động cũng như tài sản nhân dân và thuộc hạ. Bình sĩ chẳng hạn, lắm lúc rất cực khổ. Khi họ không có thể chịu đựng nữa, họ nổi dậy làm loạn. Đó là trường hợp xảy ra năm 184, khi đạo quân đồn trú ở Giao chỉ xông vào bắt giam quan thứ sử, cùng quan thái thú Hợp phò.

Thấy những cảnh tượng như thế, tất Hán triều phải cò tìm cho được một người hết sức liêm khiết để gửi sang Giao chỉ. Người được chọn tên là Giả Tung và ông này đã được lịch sử chứng minh là một nhà cầm quyền đáng khen. Hiểu rõ bốn phận cũng như quyền lợi của chức vụ, ông đã hiện ngang đên nhiệm sở mới. Bình sĩ và đại chúng tỏ ra chóng tin tưởng ông. Có kẻ đã không ngần ngại cho ông biết nguyên nhân của những cuộc nổi loạn về trước. Họ nói: «Thuê má nặng quá, trấn họ đều tưng thiêu, mà kinh sư lại xa xuôi không biết kêu van vào đâu. Vì vậy, khi dân không thể nào sống được nữa, họ phải tự tập ăn cướp». (9)

Biết vậy, Giả Tung sai cán bộ đi khắp nơi ủy dụ dân chúng, chiêu phủ những người lưu vong, tha bớt thuế má. Đồng thời ông nghiêm trị những kẻ quây rối, chọn người tốt đặt làm việc ở quận huyện. Nhờ đó dân an phận làm ăn, không đầy một năm toàn bộ Giao chỉ đã được ổn định. Và dọc đường sá cũng như ở bên, người ta nghe nhân dân lập đi lập lại mấy câu này:

Giả phụ lai văn
 Sử ngã tự phân
 Kim kiên thanh bình
 Lại bắt cảm phân
 Cha Giả đền chạp
 Nên ta làm phân
 Nay được thanh bình,
 Phán đầu còn dám. (10)

DỊCH :

c) THÁI THỨ SĨ NHIỆP. (11)

Kể ra, vào cuối thời Hán, nhân vật nổi tiếng hơn cả trong việc cai trị cổ Việt, phải là sĩ Nhiếp. Ông đã quen biết với vùng đất này trước khi nhà Hán đặt Ông làm thái thú Giao chỉ, vì thân phụ ông, tên là Tứ, đã từng làm thái thú Nhật nam trong thời Hoàn đế (147-167).

Lúc còn nhỏ, Sĩ Nhiếp đã được cha mẹ cho đi du học ở Lạc dương. Thấy ông là những bậc danh nho, như Lưu Tử Kỳ người Đinh Xuyên. Ông thông thạo sách *Tả thị xuân thu*, thi đậu hiệu liêm, được bổ làm Thượng thư lang. Sau một thời gian cư tang thân phụ, ông được đổi sang Giao chỉ với chức thái thú. Chức vụ này, ông đã hoàn tất trong vinh dự mãi cho đến khi ông mất, vào năm 225.

Ông là một người có tài, rất được thiên hạ quý phục. Cấp trên tin cậy ông, thường nghe các điều ông đề nghị. Bây giờ thứ sử Châu Phủ bị giặc giết, trong các quận loạn lạc cực khổ. Ông tâu xin Hán triều cho ba người em ông làm thái thú, em Nhật ở Hợp phò, em Vỹ ở Cửu chân, em Vũ ở Nam hải. Chính ông cũng là người đã cùng thứ sử Trương Tân xin đổi Giao chỉ bộ ra Giao châu và triều đình đã nghe.

Bây giờ là một lúc giao thời. Nhà Hán đang buổi suy vi, nên ở miền nam ai cũng muốn lên mặt làm quyền. Khi thứ sử Trương Tân bị Khâu Cảnh giết, Lưu Biểu ở Kinh châu tự ý sai Lại Cung đền thay. Cùng lúc đó, thái thú Thương ngô cũng sai Ngô Cự đền. Rồi, nhà Hán, được tin Trương Tân không còn, lại biên ti thư sang cho Sĩ Nhiếp, đặt ông lên chức đó, Như thế, cùng một lúc, Giao châu có đến ba thứ sử. Trong khi Sĩ Nhiếp một mực trung thành với Hán Hiến đế, Cự và Cung xung đột nhau, khiến Cung phải bỏ về Linh lăng. Đến năm 210, khi nhà Hán đã mất quyền ở miền nam, Tôn Quyền nhà Ngô sai Bộ Chật đền giữ chức thứ sử. Sĩ Nhiếp liền phục mệnh, đem bộ hạ ra đón rước người đại diện của chúa mới. Ngô Cự do dự nên bị Bộ chật giết.

Trong buổi giao thời đó, Sĩ Nhiếp chẳng những đã tỏ ra là một nhà chính trị thích thời, mà ông còn đóng vai một chủ nhân đại lượng, biết tôn trọng và nâng đỡ nho gia. Nhiều nhà trí thức và chính khách Trung quốc, khổ tâm vì cảnh loạn ly ở quê nhà, đã sang Giao chỉ nương nhờ vào Sĩ Nhiếp để có thể giữ trọn niềm trung. Với khách hào hoa lui tới, với của cải chứa chắt lại sâu bao nhiêu năm cầm quyền, ông đã có thể sống một cuộc đời vương giả ở đất Liên lâu.

Thời Sĩ Nhiếp cai trị Giao chỉ, cũng là một thời thịnh vượng cho dân trong quận. Mọi người đã yên ổn làm ăn. Không mấy ai phải thất nghiệp cực khổ. Thảo nào, sau khi ông mất, thọ 90 tuổi, đại chúng đã đồng tâm tôn ông là Sĩ vương, và thờ ông như một vị thần thiêng,

II. CHÍNH TRỊ THỜI NGÔ (220-279).

1) Sĩ Huy và Lữ Đại (12)

Nếu Sĩ Nhiếp là một thái thú hội được nhiều điểm tốt, thì Sĩ Huy con ông lại hội được nhiều điểm xấu, như làm loạn tặc, tham lam và táo bạo. Mong của Huy là được nối nghiệp cha ở Giao chỉ, không ngờ nhà Ngô lại quyết định khác. Ngô Chúa đặt ông làm thái thú Cửu chân còn quận Giao chỉ thì lại giao cho Trần Thời. Phạt ý, trước khi Trần Thời và viên tân thứ sử là Đái Lương đến, ông đã đem quân chiếm giữ Giao chỉ. Thầy thề, Thời và Lương không dám vào Giao châu.

Không phải mọi người chung quanh Sĩ Huy đều đồng ý với ông trong chương trình phản loạn. Một người trước kia đã làm việc với Sĩ Nhiếp là Hoàn Lân, khẩn khoản xin Huy hạ mình xuống đi đón Đái Lương Huy tức giận giết chết Lân. Bây giờ anh của Lân là Trị và con là Phát họp người trong họ lại để đánh Huy. Hai bên cầm cự nhau mấy tháng, cuối cùng thầy không ai được bèn giảng hòa.

Trong lúc đó, Lữ Đại, thứ sử Quảng châu, được lệnh nhà Ngô sang bình định Giao châu thay cho Đái Lương. Đại đã dùng mưu, và có thể nói là mưu gian, để thắng Huy. Ông quen với Khuông, con của Nhật (Nhật này là chú của Huy), nên dùng Khuông để thuyết phục Huy đầu hàng. bảo rằng, nếu Huy hàng đi thì chỉ mất quyền cai trị quận, chứ khỏi lo về các mặt khác. Huy nghe và cả sáu anh em ra đầu thú với Đại. Không ngờ, Đại đem cả sáu người ra giết, gửi đầu về Vũ Xương. Những người bà con khác của Huy, như Nhật, Vỹ, và cả Khuông nữa, đều bị truất xuống làm thứ dân, rồi sau hầu hết đều bị giết.

Thắng được loạn Sĩ Huy, Lữ Đại họp Quảng châu lại với Giao châu làm một đơn vị hành chánh, lấy tên Giao châu, và đứng đầu làm thứ sử. Ông cai trị mãi cho đến năm 231, tức là năm thứ ba hiệu Hoàng long, mới được lệnh gọi về cầm quân ở Âu khấu, thuộc Trường sa.

2) Những An-nam tướng quân. (13)

Viên quan được chức An-nam tướng quân đầu tiên tên là Lục Duệ. Vào năm 11 hiệu Xích ô (248), ở Giao chỉ và Cửu chân có loạn. Tôn Quyền sai Lục Duệ sang làm thứ sử Giao châu. Chính khi Duệ đã ổn định được tình thế, Ngô Chúa đã ban cho ông chức nói trên.

Lữ Hưng cũng đã được chức đó trong một trường hợp khác.

Trong hiệu Vĩnh an (258-264), Tôn Hựu đặt Tôn Tư làm thứ sử Giao châu. Tư giờ lại cái trò của các ô quan tham lại về trước, và bóc lột dân. Lòng công phẫn đã dâng lên tràn ngập. Bây giờ lại có sứ giả của Ngô Chúa là Đặng Tuân đến Giao chỉ. Khi ra về ông định mang về ba chục không trước. Dân sợ phải đi đường xa lo việc chuyên chở cho Tuân, nên cùng nhau mưu loạn. Thầy thề, một đảng để thỏa mãn lòng căm tức của đại chúng, và cũng là để làm tròn những ước muốn riêng, Lữ Hưng, một viên quận lại, đứng lên cả Tuân lẫn Tư. Các quận Cửu chân và Nhật nam đều lên tiếng ủng hộ Hưng.

Sao một viên quận lại có thể làm được một việc lớn như thế? Ông làm được thế không phải chỉ vì muốn phẫn dôi lòng tham những của các thượng quan mà thôi, mà còn vì lý do chính trị. Nhìn vào thời cuộc bây giờ, chúng ta thấy các

nhà Ngô, Ngụy, và rồi Tần, đang giành nhau quyền bính. Ở các châu quận, trong giới quan chức, kẻ thì ủng hộ nhà này, người lại ủng hộ nhà khác. Trong lúc Tôn Tư và sứ Đặng Tuân là người của nhà Ngô (sứ Đặng Tuân đến Giao chỉ chính là với mục đích củng cố quyền bính nhà Ngô), thì Lữ Hưng lại muốn làm thần tử của nhà Ngụy. Theo ý Hưng, việc Tuân đến đã là một nguy hại cho uy thế nhà Ngụy rồi, Tuân lại còn làm việc thà thân tâm nữa, thào nào ông không cương quyết ra tay. Khi hạ được những địch thủ chính trị đó, Lữ Hưng tức tốc dâng biểu về nhà Ngụy xin gửi người cai trị và lực lượng sang.

Đề xác nhận công trạng của Lữ Hưng, nhà Ngụy liền ban cho ông chức An nam tướng quân, đô đốc Giao châu các quân sự, và gửi sang cỗ Việt với chức thứ sử một vị cựu giám quân tên là Hoắc Dực. Dực chọn Phiên Cốc làm thái thú Giao chỉ, và đem theo một số binh sĩ, cùng những viên gia môn như Đồng Nguyên, Mao Quýnh, Mạnh Thông, Thoán Năng, Lý Tùng, Vương Tô, có ý đề giúp Hưng.

Không may khi bận bê chưa đến kịp, Lữ Hưng đã bị phe nghịch giết. Vương Thông, người của nhà Ngô, đã hạ Hưng để báo thù cho Tuân và Tư. Trong trường hợp này, (năm 265), Nguyên đế Hoán nhà Ngụy bị Tư Mã Yên truất phế để lập ra nhà Tấn, nên những người trước kia đứng về phía nhà Ngụy để chống nhà Ngô, từ nay lại quay theo nhà Tấn. Tần Vô đề (265-289) tiếp tục, nhận cho Phiên Cốc cai trị quận Giao chỉ, rồi khi Cốc mất, đặt Mã Dung lên thế, và khi Mã Dung chết, lại đặt Dương Tác thay.

Nhà Ngô, mặc dầu đang trên đường suy vi, cũng không thể ngói yên để cho kẻ khác chiếm

mất một vùng đất nước. Ngô Chúa Hạo (264-279) sai Lưu Tuấn sang làm thứ sử Giao châu để cùng với đại đô đốc Tu Tác và tướng quân Cồ Dung đánh Dương Tác.

Mùa đông năm thứ tư hiệu Thái thủy nhà Tần (268) phe nhà Tần và phe nhà Ngô giao chiến. Lúc đầu phe nhà Tần thắng. Dương Tác thắng được đòi phương nhờ sự ủng hộ của các quận Uất lâm và Cửu châu. Thủ hạ của Dương Tác, bọn Mao Quýnh, Đồng Nguyên giết được Tu Tác và Lưu Tuấn tại Cồ thành ở Hợp phò, và vì đó Mao Quýnh được đặt làm thái thú Uất lâm, Đông Nguyên làm thái thú Cửu châu.

3) Đào Huỳnh. (14)

Sự thắng trận của phe Dương Tác không được lâu bền, vì nhà Ngô đang chuẩn bị một cuộc tiến binh quyết liệt. Ngay từ cuối năm 269 Ngô Chúa Hạo đã phân phối công tác cho các tướng sĩ:

- Giám quân Ngu Dĩ, Uy nam tướng quân Tiết Vũ, thái thú Thương Ngô Đào Huỳnh, chỉ huy một đạo quân tiến theo đường Kinh châu,
- Giám quân Lý Đĩnh, đô đốc Từ Tôn, chỉ huy một đạo quân khác tiến theo đường Kiên an ra bể.
- Cả hai đạo sẽ hợp nhau sang Giao châu diệt Dương Tác.

Đầu năm thứ hai hiệu Thái thủy nhà Tần (271), chiến tranh tiến vào giai đoạn ăn thua. Hai bên đánh nhau một trận lớn ở Phân thủy, phe nhà Ngô bị chét mất hai tướng khiến Đào Huỳnh phải rút về Hợp phò. Bị Tiết Vũ khiển trách, ban đêm Đào Huỳnh bèn xuất kỳ bất ý đánh được Đông Nguyên một trận, cướp được nhiều

bảo vật. Quân nhà Ngô nhờ đó lên tinh thần. Lôi tháng tư, Đào Huỳnh dẫn quân tiến vào Giao chỉ. Nguyên chận đánh. Huỳnh đặt phục binh giết được Nguyên, khiến Dương Tác phải đặt Vương Tô lên thay làm thái thú Cửu châu.

Huỳnh mà thắng được Nguyên cũng là nhờ sự giúp đỡ của một viên tướng Phù nghiêm tên là Lương Kỳ. Huỳnh đã lấy những bảo vật cướp được của Đông Nguyên ở Hợp phò dâng cho Kỳ để mua ông và ông đem hơn một vạn quân về giúp. Vào tháng năm, Huỳnh vây hãm thành Giao chỉ. Ở trong thành, Dương Tác và Mao Quýnh kiệt lương, cùng sức, cả hai đều bị bắt. Huỳnh thấy Mao Quýnh dũng kiện, muốn giữ lại, nhưng liền bị Mao Quýnh mưu sát, bèn đem giết đi làm một với Tác. Khi thành Giao chỉ thất thủ rồi, Vương Tô cõ tròn đi theo đường biển, nhưng cũng bị bắt giết. Cửu châu và Nhật nam đều hàng nhà Ngô.

Vì sự nghiệp vừa thâu hoạch được Đào Huỳnh được đặt làm thứ sử Giao châu. Ông cũng dẹp được dân man Phù Nhiêm và lập ra các quận Võ bình Tân xương. Vùng hoang rậm giữa Cửu châu và Nhật nam từ trước đến nay là chỗ dân man di ở, Huỳnh cũng lập thành một quận mới, tức là Cửu đức. Dân chúng rất mến phục ông. Khi Ngô Chúa muốn đem ông đi làm đô đốc Vũ xương để thái thú Hợp phò là Tu Doãn sang thay, dân đã kêu xin được ông ở lại.

Năm đầu hiệu Thái Khang (280) đời Tần Võ đế (265-269), Tôn Hạo đầu hàng nhà Tần. Qui mệnh hầu Hạo sai con của Đào Huỳnh là Đào Dung cầm một phong thư do chính ông viết sang Giao châu khuyên Huỳnh bằng lòng dôi chủ. Huỳnh đau đớn khóc mấy ngày rồi thuận gửi ấn về nộp nhà Tần. Võ đế giữ ông ở chức cũ và phong cho

ông tước Uyển lã hầu cùng làm Quan quân tướng quân. Ông còn cai trị Giao châu 20 nữa mới mất. *Tần thư* ghi rằng khi tông táng ông, người trong châu thương tiếc như mất cha mất mẹ vậy.

III. CHÍNH TRỊ THỜI TÁN (265-420).

1) Những người kế vị Đào Huỳnh (15)

Tàn để chọn Ngô Ngạn thế Đào Huỳnh. Không lâu sau, binh sĩ ở Cửu châu nổi dậy trục xuất thái thú. Người đứng đầu loạn quân là Triệu Chi đem lực lượng bao vây quận thành. Ngô Ngạn dẹp yên được. Ông cai trị Giao châu hơn hai mươi năm rồi dâng biểu xin đổi đi.

Người được đặt thay Ngô Ngạn là Cồ Bí. Bí là người nhân từ, trị dân một cách liêm khiết. Khi ông mất, dân yêu cầu con ông là Cồ Sâm nhận lãnh công việc trong châu. Không may Sâm cũng mất. Một người con khác của Bí là Cồ Thọ đệ đơn lên triều đình xin nối nghiệp Sâm. Triều đình chấp thuận, nhưng dân chúng lại không bằng lòng. Không chịu được lời chỉ trích Thọ giết mất một trưởng lại tên là Triệu, và còn toan giết một tùy tướng tên là Lương Thạc. Thạc trốn chạy nên thoát được. Ông này cất binh đánh, và bắt được Thọ. Chính mẹ của Thọ bảo người cho Thọ uống thuốc độc chết. Bây giờ Đào Uy, con của Đào Huỳnh làm thái thú Thương ngô, Thạc bèn mời lên làm thứ sử. Về sau, em của Đào Uy là Đào Thực, và con là Đào Tuy, đều có giữ quyền ở Giao châu.

Lương Thạc được đặt làm thái thú Tân xương đã tự tiện đến làm thái thú Giao chỉ. Bây giờ Vương Đôn làm Trần đông đại tướng quân, coi các châu Kinh, Hoài, Giang, Tương, Quang, Giao. Khi Vương Cơ đã xin được Vương Đôn cho sang

làm thứ sử Giao châu, Thạc chặn lại, không cho vào. Thay vì công nhận Cơ, Thạc đã mời Tu Trạ, con của Tu Tác về cai trị châu. Bây giờ Vương Đôn lại đặt Vương Lượng làm thứ sử. Lượng đến, Trạ tròn vào Cửu chân. Sau Trạ bị dụ vào tay Lượng và bị giết.

Lượng cùng tìm cách tiêu diệt Thạc, nhưng không được. Để trả thù, Thạc cất binh bao vây thành Long biên, rồi vào bắt Lượng, cô cướp cho được cò tiệt. Vì Lượng không giao, bị Thạc chém đứt tay. Lượng nói: « Chết còn chưa sợ, thì chặt tay mà làm gì? » Sau đó mấy hôm Lượng mất. Thạc còn lại một mình tha hồ chuyên quyền trong châu. Ông ăn ở hung bạo làm cho mọi người đều ghét.

Tình trạng chính quyền ở Giao châu sau Đào Huỳnh, đã phản ảnh tình trạng đau buồn của triều nhà Tần, một triều đại trong đó anh em họ hàng chém giết nhau một cách tàn tệ, không phải vì mục đích bảo vệ một chí hướng chính trị, hay một ý nghĩa cao cả nào, mà chỉ là để giành giật ngai vàng.

2) Đào Khả và Đỗ Viện. (16)

Đào Khả làm thứ sử Quảng châu. Thầy Giao châu hôn độn có lần ông đã can thiệp vào một cách gián tiếp. Chính ông đã cho người dụ Tu Trạ vào tay Vương Lượng. Khi Vương Lượng bị Lương Thạc vây đánh, ông cũng đã chuẩn bị sang cứu Lượng, nhưng chưa làm kịp, Lượng đã thua.

Năm 323, được tin Lượng chết, Đào Khả được gửi sang thay. Ông sai tham quân Cao Bái đi dẹp Lương Thạc. Bái thắng, giết được Thạc.

Đào Khả bèn được chức Giao châu thứ sử, hiệu Chinh nam Đại tướng quân, có quyền mở phủ nghị. Không được bao lâu, viên Lại bộ lang Nguyễn Phóng xin được triều đình cho làm thứ sử Giao châu. Cờ nhiên Phóng chạm trán với Khả. Gặp Bái đem quân đến nghênh chiến ở Ninh phò, Phóng mở tiệc đãi Bái đồng thời đặt phục binh giết được Bái. Không ngờ quân của Bái xông đánh mạnh Phóng phải bỏ chạy mới thoát thân. Sau Đào Khả nhường chức cho Phóng, nhưng ông nảy đến châu chưa được bao lâu đã chết.

Sau Đào Khả, trong thời nhà Tần, còn một vài nhân vật nên biết nữa, đó là Đỗ Viện và Đỗ Tuệ Độ, hai cha con, sinh trưởng ở đất Giao châu.

Bây giờ là năm 380, trong đời Hiếu Võ đế nhà Tần (373-396) Ở Cửu chân có thái thú Lý Tồn lộng hành, nổi dậy chiếm cứ châu. Đỗ Viện, làm thái thú Giao chỉ, không hòa theo loạn đảng. Ông đánh giết Lý Tồn và cả châu lại được yên. Khi Viện mất, triều đình đặt con ông là Đỗ Tuệ Độ làm thứ sử Giao châu.

Lúc đó, ở Quảng châu có loạn. Lư Tuấn đang bao vây Phiên Ngung đã bị Điền Tử đánh bại, chạy lên Thương ngô. Ở đây Tuấn bị bại nữa, bèn chạy sang Giao chỉ. Đỗ Tuệ Độ đem lực lượng đón đánh Tuấn ở Thạch kỳ. Tuấn thua to, nhưng được dư đảng của Lý Tồn là Lý Thoát tụ họp dân lý liệu gồm tất cả chừng năm nghìn người để ủng hộ Tuấn. Quân của Tuấn kéo đến phía nam Long biên. Tuệ Độ bèn đem hết của cải phân phát cho binh sĩ để thúc giục họ hăng hái giáp trận. Lực lượng của Tuấn không mấy chốc đã bị tan rã. Biết không sao khỏi chết, Tuấn gọi đoàn thể thiệp lại hỏi xem ai sẵn lòng cùng chết với ông. Đa số đáp: « Chim, chuột còn muốn sống, việc chết theo thật là khó ». Nhưng cũng có người nói: « Quan thượng còn phải chết thì ai

còn muốn sống». Ông bèn giết hết, rồi gieo mình xuống sông. Tuệ Độ chém đầu ông đầu Lý Thoát, tất cả bảy người, rồi gửi về Kiên khang.

3) Giao châu với Lâm ấp. (17)

Trong thời Tàn, dân Lâm ấp nhiều lần quây nhiễu Giao châu.

Năm thứ 2 hiệu Hàm thông (336), vua Lâm ấp là Phạm Dật chết, Phạm Văn lên thế. Văn là một người có tính hiền chiến. Năm 347, ông đem quân đánh Nhật nam, giết mất thái thú Hạ Hầu Lãm, cùng với năm, sáu nghìn dân. Những người sống sót phải chạy ra Cửu chân. Văn lấy xác của Lãm tế trời, phá thành Tây quyền, rồi cho sứ giả ra xin thứ sứ Châu Phù cho mở cương giới Lâm ấp ra đến Hoành sơn. Châu Phù không trả lời.

Năm 348, Phạm Văn đánh Cửu chân, dân chúng mười người bị giết hết tám chín. Không thể nhịn nhục được lâu hơn, nên năm sau đó, viên Chính tây độc hộ Tất Tuần chỉ huy lực lượng Giao châu và Quảng châu vào đánh bại Phạm Văn. Năm đó, Phạm Văn chết, để ngôi cho con là Phạm Hồ Đạt.

Năm thứ 9 hiệu Vĩnh hòa (353), vào tháng ba, thứ sứ Giao châu là Nguyễn Phu đem quân vào đánh Lâm ấp, phá được hơn năm mươi lũy. Năm 361, thứ sứ Quảng châu là Tất Hàm cất đại quân vào đánh Lâm ấp. Vua Lâm ấp sợ xin, hàng. Trong đời Hiếu Võ đế (373-396), Lâm ấp triều cống nhà Tàn, Nhưng đến năm thứ ba hiệu Long an (299), vào tháng hai, vua Lâm ấp lại đánh phá Nhật nam, Cửu chân, rồi kéo ra Giao chỉ, không ngờ bị Đỗ Viện đánh đuổi. Vào năm 413, lần nữa Cửu chân bị Phạm Hồ Đạt đánh. Đỗ Tuệ Độ

nginh chiến đã giết được Đạt, và Phạm Dương Mại lên làm vua Lâm ấp. Ba năm sau, năm thứ 11 hiệu Nghĩa hy, vào tháng 11, Tuệ Độ còn đánh bại một cuộc xung kích khác của Lâm ấp. Vào năm 420, đến lượt Đỗ Tuệ mở thế công. Ông kéo quân đánh một trận rất lớn, Lâm ấp xin hàng. Ông bằng lòng cho và tha về tất cả những người đã bị bắt.

IV. CHÍNH TRỊ THỜI TÔNG VÀ THỜI TỀ.

Trong thời Tông (420-478), các biên cò được ghi lại không có bao nhiêu. Việc đáng kể hơn cả, có lẽ cũng chỉ là chiến tranh với Lâm ấp. (18)

Năm 431, Lâm ấp ra đánh Cửu đức, nhưng bị đẩy lui. Không ngã lòng, Phạm Dương Mại tàn công nữa, mà lần này bằng một phương pháp khác. Vào tháng năm, năm Nguyên gia thứ 10 (432), ông gửi sứ sang triều cống Tông Văn đế (424-453) để ngoại giao xin cho được quyền cai trị Giao châu. Vua không cho, lấy lẽ là đường xá xa xôi, đi lại không tiện.

Vào năm thứ 23 hiệu Nguyên gia (446) nhà Tông dự tính một cuộc tàn công Lâm ấp và giao việc đó cho Đàn Hòa Chi, thứ sứ Giao châu. Trong bọn thủ hạ của Hòa Chi có tên Tông Xác rất hùng dũng, được đặt làm Chấn võ tướng quân, chỉ huy đạo tiền phong. Trước tình thế đó, Phạm Dương Mại gửi sứ đến xin giao trả những người Nhật nam đã bị bắt, cùng xin dâng một vạn cân vàng, 10 vạn cân bạc. Văn đế nhà Tông bảo Hòa Chi nếu vua Lâm ấp thật lòng qui thuận thì cũng ưng cho. Khi quân vào đến Châu ngô, Hòa Chi sai viên tham quân Khương Trọng Cơ vào gặp vua Lâm ấp. Không ngờ Trọng Cơ bị Dương Mại giữ lại. Hòa Chi quyết định đánh. Ông cho bao vây tướng địch là Phạm phủ Long ở Khu

túc. Các tướng Lâm ấp, như Phạm Côn, Sa Đạt đều cứu đều bị Tống Xác phục binh đánh phá.

Vào tháng năm, Hòa Chi hạ thành Khu túc, giết Phù Long, phá thành, rồi tiến đến Tượng phủ. Thấy tình thế khẩn trương, Dương Mại huy động cả nước ra kháng cự, lấy áo chiến trùm cả lên mình voi. Tống Xác nhớ lại rằng voi sợ sừ từ nên làm ra hình sừ từ để nhát voi. Voi sợ chạy lui, quân Lâm ấp tan vỡ, Cha con Dương Mại cũng vội vàng tẩu thoát. Hòa Chi đại thắng, thu hoạch được báu vật của Lâm ấp rất nhiều. chỉ Tống Xác là không lấy vật gì. Năm 447, Hòa Chi từ chức thứ sử Giao châu.

Sau Đền Hòa Chi, không có chiến tranh về phía Lâm ấp nữa, nhưng lại có nội loạn. Năm 468, thứ sử Giao châu là Lưu Mục mất, một người trong châu, Lý Trường Nhân, chiếm châu làm phản, tự xưng là thứ sử. Tống đế cũng gửi Lưu Bột sang để giữ chức đó. Khi Bột đến, Trường Nhân hết sức chống cự. Nhưng không lâu Bột mất, bây giờ Trường Nhân sai sứ sang Tống triều xin cai trị châu, và ông đã được như ý. Năm 479, Lý Trường Nhân mất. Em ông là Lý Thúc Hiền sai sứ sang xin vua đặt ông làm thứ sử. Vua không nghe, đặt thái thú Nam hải là Thẩm Hoán lên, còn ông thì cho làm thái thú các quận Võ binh và Tân xương. Vì được dân ủng hộ, Lý Thúc Hiền muốn chống mệnh lệnh của triều đình. Khi Hoán chưa sang ông đã chuẩn bị chống cự, và rồi thực sự đem quân chặn đường không cho Hoán vào. Hoán đành phải lui về Uất lâm, bị bệnh chết ở đó. Bây giờ Thúc Hiền lại xin và được chức thứ sử.

Thời nhà Tề (479-501) vừa vắn lại vừa tang thương. Lịch sử nhà Tề là lịch sử một chuỗi những cuộc ám sát. Hễ ai lên ngôi là đã vội tìm

cách giết hết anh em họ hàng, để rồi lại bị giết bởi một người bà con sống sót. Trong tình trạng đó, ít hy vọng thấy vùng Giao châu được chú ý đến trừ khi các thứ sử không chịu nộp đồ cống. (19)

Thật vậy, năm 484, triều đình nhận được rằng đã lâu Lý Thúc Hiền không còn qui phục trung ương như thường lệ. Ý nhà vua là phải dùng võ lực phạt Giao châu. Năm Vĩnh minh thứ ba (485), Tề Võ đế đặt Đại tư nông Lưu Khải làm thứ sử, chỉ huy lực lượng các quận Nam khang, Lư lăng, Thủy hương, sang đánh Thúc Hiền. Thúc Hiền được tin, sợ hãi, vội vàng sai sứ về triều đình xin bãi binh đồng thời dâng lên mười hai chiếc mũ đầu mâu đúc bằng bạc. Vua không chịu, Thúc Hiền lo kéo bị đánh úp, nên theo đường Tương châu về kinh đô. Một mối loạn tạm yên.

Nhưng nếu những kẻ tham lam quyền thế, của cải, đã được lịch sử ghi lại, thì những người không màng gì đến quyền thế cũng không bị lịch sử bỏ quên. Đó là trường hợp của thứ sử Phòng Pháp Thặng. Trong thời gian ở Giao châu, ông không lo gì đến việc cai trị, mà suốt ngày suốt buổi, ông chỉ chuyên chú đọc sách. Vì đó, tất cả công việc đều ở tay viên trưởng lại Phục Đăng Chi. Được thế, Đăng Chi chuyên quyền, thay đổi nhân viên mà không thêm cho thứ sử biết. Khi lục sự Phòng Quý Văn đem việc đó trình bày lên, Pháp Thặng tức giận, bỏ Đăng Chi vào ngục. Đăng Chi khôn khéo đem của đút lót cho em rể của Pháp Thặng, là Thô Cảnh Thúc, nên sau mười ngày đã được thả. Bây giờ ông đánh úp châu phủ, bắt Pháp Thặng cầu lưu ở một nhà riêng. Buồn vì không có gì làm, Pháp Thặng đến xin Đăng Chi sách để đọc. Đăng Chi không cho, nói: « Quan không làm gì mà còn sinh bệnh, hưởng

hồ đọc sách». Vào tháng 11 năm Vĩnh minh thứ 8. (490), Đãng Chi tâu triều đình là Pháp Thặng có tâm tật và Đãng Chi đã được đặt lên thay. Quan cựu thứ sử chết trên đường trở về quê hương.

V. CHÍNH TRỊ THỜI LƯƠNG VÀ THỜI TRẦN.

Võ đề nhà Lương (502-549) có thể kể được là một vị anh quân trong những năm đầu, nhưng từ năm 527 mà đi, ông đã trở thành mê tín, dần dần mất hết tư cách của một bậc anh minh. Bây giờ ở cổ Việt xa xuôi này, nhiều người đứng lên đòi độc lập. (.0)

Lý Khải do nhà Tề gửi sang Giao châu đã giữ lòng trung thành với triều đại này, khi nhà Lương lên cầm quyền ở Nam kinh, và vì thế không chịu triều cống chủ mới. Vào năm Thiên giám thứ tư. tháng hai, ngày Nhâm thìn, (ngày 21 tháng 3, 505) Lý Khải bị một viên thuộc cấp trên là Lý Giác hạ sát. Tác được đặt làm thứ sử Giao châu. Mười năm sau, lại có người tên là Nguyễn Tông Hiền nổi dậy. Lý Tác cũng có công đánh bại, chém được đầu gửi về kinh đô.

Nhưng cuộc nổi dậy danh tiếng hơn cả trong thời nhà Lương, đó là của Lý Bí. Thuộc dòng dõi hào hựu, Bí được bổ làm quan, rồi vì gặp hoàn cảnh không vừa ý đã cáo về nhà. Bây giờ ở Giao chỉ lại có một người tên là Tịnh Thiệu, tài giỏi chữ nghĩa, nhưng xin đi làm việc, chỉ được bổ chức môn lang ở Quảng tín, vì lẽ trong họ chưa có tiền hiền, nên lấy làm xấu hổ cũng bỏ về. Đàng khác, thứ sử Giao châu là Võ lâm hầu Tiêu Tư ăn ở khác nghiệt, nhân dân oán thán.

Vì tất cả đó, Bí và Thiệu nghĩ đến việc khởi nghĩa. Để dễ thi hành ý định, Bí nhận chức giám quân ở Đức châu, tìm cách liên kết với thành phần bất mãn ở các châu để nổi dậy đánh Tiêu Tư. Quan thứ sử biết vậy, vội đem tiền đút lót cho Lý Bí và trốn về Quảng châu.

Khi tin biên loạn về đến triều đình, Lương Võ đề (502-549) sai thứ sử Cao châu, Tôn Quýnh, thứ sử Tân châu, Lư tử Hùng, sang đánh dẹp Giao châu làm một với Tiêu Tư. Họ được lệnh cử binh vào đầu năm Đại đồng thứ tám (542). Quýnh và Tử Hùng lấy lẽ mùa xuân nhiều khí độc nên hoãn đến mùa thu, nhưng Tiêu Tư thôi thúc, lại thêm Tân du hầu Hoán, thứ sử Quảng châu, bắt buộc họ đành phải lên đường. Không may, khi đến Hợp phò, binh sĩ không hợp thủy thổ, mười người chết hết sáu, bảy, đành phải giải tán. Tiêu Tư tâu trình rằng bọn Quýnh và Tử Hùng thông đồng với giặc, không chịu tiền quân, vì vậy cả hai đều phải đòi về Quảng châu và phải tự tử.

Việc rắc rối đến đó chưa phải là hết. Thân thuộc của những người bị tội, như Tử Lược, Tử Liệt, hai em của Tử Hùng, và chủ soái Quảng lạng là Đỗ Thiên Hợp, cùng các em ông là Tăng Minh, Tân An, Châu Văn Dục, huy động bộ hạ của Tử Hùng đến đánh Quảng châu, có ý giết Tiêu Tư và Tân du hầu Hoán. May sao thái thú Ngô hưng là Trần Bá Tiên đến cứu kịp. Vị tướng tài này đã giết được Thiên Hợp, bắt giam Tăng Minh, Văn Dục, và sau, thầy hai người này kiêu dũng, đã cho làm chủ soái.

Nhân sự lúng cùn giữa các tướng lãnh triều đình sai đi chinh phạt, Lý Bí đã có thì giờ để tăng cường lực lượng riêng. Năm 543 có quân

Lâm áp cướp phá, ông sai Phạm Tu đi đánh đuổi được ra khỏi Cửu đức. Chính sau trận thắng này, và nhân dịp đầu năm sau, Bí đã tự xưng là Việt đế, lấy hiệu là Đại đức. (21)

Nhưng vị vua của nước Việt mới này an hưởng ngai vàng không được lâu. Vào giữa năm thứ 11 hiệu Đại đồng (545), Lương đế đã lập xong kế hoạch. Tiêu Tư bị mất chức và Dương Phiêu được đặt làm thứ sử Giao châu. Phiêu lại có Trần Bá Tiên làm tư Mã và thứ sử Định châu là Tiêu Bột phụ lực. Khi binh sĩ đến Tây giang, bỗng bột thoái chí. Biết rằng binh sĩ không muốn gì việc đi đánh xa, nên Bột tìm cách khuyên Phiêu đừng đi nữa. Khi Phiêu hội tướng sĩ lại bàn, Trần Bá Tiên cương quyết phục mệnh, và thúc quân lên đường. Phiêu bèn đặt ông làm tiên phong.

Lực lượng triều đình nhà Lương gặp ba vạn quân của Lý Bí lần đầu tiên ở Châu diên, Bí thất bại. Lần thứ hai, hai bên giao chiến ở cửa sông Tô lịch Bí cũng thất bại, và rút quân về Gia ninh. Tại đây, Bí bị bao vây và thất bại lần nữa vào ngày 25 tháng 2 năm 546, phải chạy vào trốn trong dân liều ở vùng Tân xương. Dương Phiêu và Bá Tiên không đuổi theo, cứ đợi ở cửa sông. Cuối mùa thu năm đó, với hai vạn quân vừa chiêu mộ được, Bí ra hồ Điền triệt, thuyền bè đậu đầy cả hồ. Lúc đó, Bá Tiên dùng lời lẽ hăng hái khuyến khích tướng sĩ, bảo tất cả phải liều một phen sinh tử, nếu không sẽ nguy hại đến tính mạng. Thề rồi ban đêm đang lúc nước thủy triều lên, ông ra hiệu tiễn quân, trông đánh inh òi một góc trời. Lực lượng của Bí vỡ chạy tứ tung, còn chính Bí thì lui vào động Khuất liều. Vào tháng ba, năm thứ ba hiệu Thái thanh (548), Trần Bá Tiên tấn công Lý Bí ngay ở động.

Bí thất bại lần cuối cùng và ngày Kỷ vị tháng đó (tức là ngày 21 tháng 4 dương lịch) ông bị Bá Tiên chém đầu gửi về Kiền Khang.

Dư đảng của Lý Bí, sau biến cố đau thương đó, đã do người anh của ông là Lý Thiên Bảo chỉ huy vào Cửu chân, ở đây họ hợp lực với lực lượng của một tướng khác tên là Lý Thiệu Long, tất cả được chừng hai vạn người. Bảo và Long giết được thứ sử Ái châu là Trần Văn Giới rồi vây châu thành. Trần Bá Tiên đem quân tiến vào dẹp yên được. Ông được Lương đế đặt làm Tây giang đốc hộ cai quản việc quân của cả bảy quận.

Trần Bá Tiên thắng Lý Bí ở Giao châu và không mấy năm sau ông còn thắng cả nhà Lương ở Kiền Khang nữa. Thật thế, năm 557 ông trưởng Lương Cảnh đế (555-557) xuống và lên ngôi, lập ra nhà Trần. Nhưng số phận nhà Trần không được lâu bền gì. Bá Tiên hay Trần Võ đế (557-559) không đầy ba năm sau đã mất và các vua kế vị đã lu mờ một cách mau chóng trước sức bành trướng của nhà Tùy. Trong thời gian đó, ở vùng cỏ Việt «chư châu giai định». (22)

VI. CHÍNH TRỊ THỜI TÙY. (584-617).

Nhà Tùy xuất hiện không lâu trong lịch sử nhưng đã để lại một sự nghiệp khá đáng kể, đó là khi sự thống nhất lại Trung quốc. Kể từ thời Tống, Trung quốc đã chia ra thành Nam, Bắc triều. Năm 582, Trần Thúc Bảo lên ngôi ở Kiền Khang, hoang dâm, xa xỉ. Từ Trường an Dương Kiên, tức là Văn đế nhà Tùy (584-604) đã kéo quân xuống vùng Nam kinh, hạ bệ vị vua hư hỏng này để nhà Tùy cai trị cả Bắc lẫn Nam.

1) Lưu Phương.

Trong đời Tùy Văn đế, ở Giao châu có Lý Phật Tử nổi dậy. Chính ông chiếm thành cũ của Lý Bí, con của anh ông là Lý Đại Quyền đánh thành Long biên, tướng ông là Lý Phổ Đình đánh thành Ô diên. Vua nhà Tùy bèn đặt Lưu Phương làm Giao châu đạo Hành quân tổng quản, có Kính Đức Lượng làm trưởng sử, cầm binh sĩ 27 dinh sang đánh dẹp. Khi đến Doãn châu, Đức Lượng bị bệnh, không đi được nữa, Lưu Phương đánh phá hết tất cả. Lưu Phương có tiếng là một nhà tướng rất kỹ luật, nhưng đồng thời cũng rất có lòng tốt đối với binh sĩ, nên rất được người dưới mến phục. (23)

Khi Lưu Phương đến Đô Long, ông gặp hai nghìn địch quân đến đón đánh. Các dinh chủ của ông là Tống Soán, Bùi Quý, Nghiêm Nguyễn kháng cự được. Về phần Lý Phật Tử, trước tiên ông cho người đến lấy lời hơn thiệt dụ dỗ. Phật Tử, sợ, liền xin hàng và bị gửi về kinh đô. Thật là một thành công dễ dàng.

Nhưng sự nghiệp của ông ở vùng cỏ Việt không phải chỉ có thế. Biết rằng Lâm ấp có nhiều báu vật, triều đình muốn nhân tiện sai ông vào đánh cướp nước đó. Và triều đình viện một lý do để khi sự. Vua Lâm ấp, Phàn Chí, khi Văn đế nhà Tùy (590-604) mới lên ngôi, có triều cống, nhưng về sau không cho sứ sang nữa. Thế là Lưu Phương nhận được chức Hoan châu đạo Hành quân tổng quản với nhiệm vụ vào đánh nước của Phàn Chí. Trong nhiệm vụ này, ông có thứ sử Khâm châu là Nịnh Trường Chân, thứ sử Hoan châu là Lý Vạn giúp đỡ, lại có Trương Tôn làm tư mã, và Lý Vọng làm châu soái. Quân thì có hơn một vạn người cả bộ cả kỵ, thêm vào đó

còn là một số tội nhân bị cầm giữ ở châu phủ.

Vào tháng giêng năm đầu hiệu Đại nghiệp (603), Lưu Phương với quyền đại tướng, dẫn lực lượng từ Bắc cảnh ra đi. Tại Lâm ấp Phàn Chí đã đề phòng, chia quân đi giữ các nơi hiểm yếu. Tháng ba, hai bên đụng độ nhau lần đầu, Lưu Phương thắng. Khi ông vượt sông Đô lệ, quân của Lâm ấp từ các nơi kéo lại đánh, có voi trận tham chiến. Biết thế không lợi, vị đại tướng Tàu dùng mưu. Ông cho đào những hồ nhỏ trên đường rồi lấp cỏ phủ lên. Khi địch đến, quân ông giả vờ thua. Địch đuổi theo, không dè voi sủa chân xuống hồ, ngã thúc vào nhau. Quân Lâm ấp kinh sợ rút lui cùng một lúc voi bị quân Tàu ào ào xông vào bắn đuổi cũng hục hịch tròn thoát, giẫm lên mình binh sĩ. Những kẻ bị giẫm như vậy, và bị chém, kẻ đến hàng vạn.

Lưu Phương thắng mấy trận nữa. Vào tháng tư, ông đến kinh đô Lâm ấp. Phàn Chí trốn chạy ra biển. Tàu lượm được của cải vô số. Đặc biệt nhất là họ lấy 18 tấm miếu chủ đúc bằng vàng. Trước khi ra về, Lưu Phương cho dựng bia đá ghi công, nhưng dọc đường ông đã bị bệnh, mất. Binh sĩ cũng bị sưng chân, mười người chết hết bốn năm.

2) Khâu Hòa.

Cuối thời nhà Tùy, Khâu hòa được đặt làm thái thú Giao chỉ. Ông có một viên tư pháp thứ tá tên là Cao Sĩ Liêm. Cũng như Đào Huỳnh trong thời Ngô, Khâu Hòa cũng lâm vào cảnh thay triều đổi chủ.

Thời Dương đế cáo chung là một thời hỗn độn. Trung quốc bị chia năm xẻ bảy, mỗi người

hùng làm chúa một nơi. Lý Uyên chuyên chè ở đất Đường, Lâm Sĩ Hằng ở Phấn dương, Tiêu Tiên ở Giang lăng, Năm 618, Lý Uyên hạ bệ nhà Tùy rồi lên ngôi thiên tử ở Trường an. Trong lúc đó Sĩ Hoàng đã được vùng Thương ngô, Cao lăng, Phiên ngung, và Tiên vùng Uất lâm, Thủy an. Cả hai ông này đều thêm đất Giao chỉ, gửi sứ đến chiêu mộ Phấn Khâu Hoà, ông chưa biết việc nhà Tùy đã mất ngôi, nên không chịu theo bên nào. Các nước ở phía tây Lâm ấp đem minh châu, sừng tê, vàng, bạc, nhờ Khâu Hoà chuyên lên vua, Hoà cũng chuyên đi, và bị Tiên chặn lầy.

Vào đầu mùa hạ năm đó, Tiên quyết dùng võ lực lấy Giao chỉ, sai Ninh Trường Chân đem quân theo đường biển sang đánh Hoà. Hoà sợ, muốn ra hàng, nhưng Cao Sĩ Liêm bàn nên đánh. Ông bèn đặt Sĩ Liêm làm tư mã, đem quân thủy bộ nghênh chiến. Trường Chân đại bại, suýt bỏ mạng, binh sĩ thì chết hầu hết.

Sau đó, có người quen ở Giang tô về báo cho Hoà biết là nhà Tùy đã mất, ông bèn qui thuận Tiêu Tiên, Tiên bây giờ đã lập quốc xưng đế, gọi là nhà Lương để chống lại với nhà Đường. Không may, lực lượng của ông càng ngày càng yếu, thủ hạ ông lại dần dần bỏ ông. Vào tháng chín năm Võ đức thứ tư (621), Khâu Hoà Cao Sĩ Liêm sang Giang lăng có ý yết kiến Tiên, bỗng được tin Tiên thua tướng nhà Đường là Hiếu Cung. Hoà và Liêm theo Hiếu Cung, nên trong tháng đó, thầy bơ vơ, Tiêu cũng đầu hàng nhà Đường.

Năm sau, vào tháng ba, Đường Cao tổ (618-626) ban cho Khâu Hoà chức Giao châu Tổng quản Hoà báo Sĩ Liêm dâng sớ xin cho ông về châu. Chẳng những Đường đế thuận cho, mà còn sai Khâu Sư Lợi, con của Hoà, đi nghênh tiếp. Vua hậu đãi Hoà, ban cho ông chức Tả vô hẩu đại tướng

quân. Hoà bây giờ đã tuổi tác nên không còn trở lại Giao châu. Vua đặt ông làm thứ sử Tác châu, là chỗ quê nhà.

Cũng trong năm Võ đức thứ năm (622), các thái thú Đặng Văn Tiên ở Quảng châu, Xưng Tuyên ở hợp phò, Lý Giao ở Nhật nam, đều qui thuận nhà Đường.

VII. CHÍNH TRỊ THỜI ĐƯỜNG (618-906).

Đời với đất cổ Việt, đời Cao tổ chỉ là thời chinh phục, từ thời Thái tông về sau mới là thời cai trị.

1) Thời Thái tông (627-649).

Thái tông, tức là Lý Thề Dân, con người đã giúp một phần rất lớn vào việc sáng lập nhà Đường. Nhưng ông là con út của Cao tổ. Một đảng vì lẽ ông sinh sau, đảng khác vì ông đã có một sự nghiệp quá hiển hách đến nỗi làm lu mờ cả địa vị của vua cha, Cao tổ đã có dự định bỏ ông và đặt người con cả làm thế tử. Biết vậy, vào tháng 6, 626, ông giết anh ông. Vua cha hiểu ý nên chẳng nhưn gặt ông làm thế tử mà còn nhường ngôi cho ông, bây giờ mới 27 tuổi đầu.

Thái tông là một vị tướng vừa can đảm, vừa mưu lược, đồng thời cũng là một vị vua khôn ngoan. Ông là người đã mang Trung quốc về phía Bắc và phía Tây, và đã cũng cò quyền binh trung ương ở khắp mọi nơi trong nước, xa cũng như gần.

Về cổ Việt Thái tông có để lại một vài dấu vết. Vào tháng 10 năm Trinh quán thứ hai (628), một người thuộc tông thất, tức là Toại an công Thọ,

đồ độc Giao châu, vì ăn ở tham bạo, nên bị vua trừng phạt nghiêm nhặt. Rồi buồn vì thầy Giao châu đã lâu ngày những bị tham quan tề lại quấy nhiễu, vua cô tìm cho được một người trung chính gửi sang cảm quyến. Chính trong cô gắng này, chúng ta có thầy được một phần nào tư cách của vị vua trẻ trung và quyến thề.

Bây giờ có Lư Tô Thượng, cựu thứ sử Doanh châu, nổi tiếng là văn võ toàn tài lại liêm bình công trực. Vua muốn sai ông sang làm thứ sử Giao châu. Tô Thượng nhận lời, rồi lại hỏi hạn từ chối, lấy lý là có bệnh. Vua sai bọn Đỗ Như Hối mang dụ chỉ đến cho Tô Thượng, trong đó vua nói: « Kê thàt phu còn giữ lời hứa với nhau, có sao nhà Thấy đã hứa với Trầm mà lại sai lời? » Nhưng Tô Thượng vẫn không đổi ý. Ngày Mậu tí tháng hai, năm đó, vua triệu Tô Thượng đến lán nữa để khuyên ông, ông cũng cứ không chịu đi. Tức giận quá, vua nói: « Ta sai kẻ khác không được, thì cai trị sao nổi? », bèn bảo giết ông ngay ở triều.

Sau đó, vua không yên tâm. Một hôm, nói chuyện với thị thần, vua hỏi: « Văn Tuyên đề nhà Tề là người thề nào? » Ngụy Trưng thưa: « Văn Tuyên là người cưỡng bạo, nhưng khi cãi lý mà thua thì biết nghe theo. Có ông Ngụy Khải trước làm trưởng sử Thanh châu, khi đi sứ nhà Lương về được bỏ làm trưởng sử Quang châu. Khải nhất định không đi. Khi Dương Đạo Ngạn tâu lại với vua, vua giận, cho gọi Khải đến trách. Khải tâu: « Trước đây thần giữ việc ở một châu lớn, một nhọc mà không có gì sai suât, nay sao lại phải đi giữ việc ở một châu nhỏ? Đó là lý do khiến thần không đi ». Văn Tuyên bảo Đạo Ngạn rằng: « Nói thề có lý, khanh hãy tha cho ông ta ». Đó là chỗ tốt của Văn Tuyên ». Nghe vậy, Thái tông than rằng: « Thê

mà, nhà trứ danh Lư Tô Thượng, chỉ vì trái đạo nhân thần, Tâm cũng đã giết đi, thật là quá bạo ngược. Tháo nào người ta chê trầm không bằng Văn Tuyên ». Vua liền sai phục chức cho Lư Tô Thượng và cho tập âm. (25)

Năm 635, (Trình quán năm thứ 9) Đồ độc Giao châu là Lý Đạo Hưng. Ông là người tông thầt, trước đã làm Quang ninh quận vương, sau bị giáng vì có tội, chỉ còn chức Huyện công, và được sai sang vùng cô Việt. Tại đây ông vừa không hợp thủy thổ, vừa ưu sầu, đã bị bệnh chết.

Năm Trình quán thứ 11, (637), đồ độc Giao châu là Ngô Vương Khác, thường thích đi săn, làm hại dân rất nhiều. Viên Thị ngự sử Liễu Phạm tâu vua xin quở phạt. Ngày đinh sửu tháng 10 năm đó, Khác bị cách chức, và tước mắt lợc ba trăm hộ. Vua nói: « Quyển người trưởng sử quan hệ đến muôn đời. con ta không cai trị từ tề, là tội đáng chết ». Liễu Phạm thưa: « Phòng Huyền Cầm thờ bệ hạ mà chưa bỏ được thói đi săn, thì sao chỉ một mình ông Khác là bị tội muôn đời? » Vua nghe vậy, giận lắm, vắt áo, đi vào trong. Lâu sau, vua gọi Phạm đến một mình, hỏi: « Sao lại cãi ngang ta? » Phạm thưa: « Vì bệ hạ nhảm từ mình chính, nên thần không dám không hết lòng ngu trực. » Vua lấy làm vừa ý.

Năm sau, ở Minh châu, tức là phán đất tên là Việt thường thuộc quận Nhật nam dưới thời Tùy, dân liệu nổi lên làm loạn. Ngày Kỷ tí tháng 11, đồ độc Giao châu, Lý Đạo Ngạn dẹp yên được (26)

2) Thời Võ hậu (684-705).

Khi Thái tông mất, ngày 10 tháng 7, 649, con ông lên thề lấy hiệu Cao tông (650-683). Vua này

tài lược tâm thường, nhưng nhờ uy thế của vua cha nên năm được giương máy chính quyền vững vàng trong một thời gian. Trong thời Cao tông, ngoài việc đối Giao châu đó độc phủ làm An nam đó hộ phủ (679), người ta không còn thấy sử sách ghi lại điều gì khác trừ việc đặt Trư Toại Lương làm thứ sử Ai châu vào năm 658. Ông này, khi đến nhậm chức, đã dâng biểu xin cho được thay thế vì ông tự xét rằng «Lược tiêu, nhậm trọng». (27)

Cao tông càng ngày càng trở nên nhu nhược, công việc thường bị hậu cung điều khiển. Cuối cùng bà phi Võ Tắc Thiên đánh thuộc độc giết ông, rồi lên nắm chính quyền. Đó là Võ hậu. Bà là một người độc ác, nhưng cương nghị, đã đòi nhà Đường ra thành nhà Chu kể từ 690, và cũng đã vót vát được phẩn nào uy tín đã mất của Trung quốc, sau những lán thất bại đòi với các dân di địch về phía Bắc.

Trong thời bà ở có Việt, có loạn dân Thò. Vào năm Thừa cùng thứ ba, (687) An-nam đó hộ là Lý Diên Hựu. Về trước, vùng dân Thò, thuộc chỉ phải nộp một nửa phẩn. Diên Hựu ra lệnh bày nộp cả phẩn, nên tháng tám năm đó, họ nổi dậy chống đánh dưới sự điều khiển của Lý Từ Tiên. Quan đó hộ bắt giết Từ Tiên. Đinh Kiên thay thế, cảm đầu loạn quân, đến vây An-nam phủ. Trong thành binh sĩ ít nên Diên Hựu đóng cửa chờ viện quân. Ở Quảng châu, Phùng Từ Do được tin không cho quân sang cứu, vì muốn đợi cho tình trạng nguy ngập đã mới đến, mong lập được công to hơn. Trong lúc đó, thành mất, Diên Hựu bị giết. Bảy giờ viên tư mã Quê châu là Tào Huyền Tĩnh sang đánh giết được Đinh Kiên. (28)

3) Thời Huyền Tông (712-756).

Năm 705, Võ hậu đã thọ bát tuần. Triều đình nhận thấy dấu bà cương nghị đến đâu cũng không thắng được dân di địch lúc đó đang hoành hành ở miền bắc, nên nhân lúc bà ngã bệnh, đã khôi phục lại nhà Đường, đặt lên ngôi con người đáng lẽ đã cai trị từ 684, tức là Trung tông (705-718). Không may Trung tông nhu nhược, bị vợ chuyên chế rồi giết năm 710. Vì hậu muốn tiếm vị theo kiểu Võ hậu, nhưng bị giết và Duệ tông (710-712) tức vị. Vua này chỉ cảm quyền trong một thời gian ngắn rồi nhường ngôi cho con là Lý Long Kỳ, tức Huyền tông. Với Huyền tông đã khi sự thời đại thường gọi là thời thịnh Đường. Chính trong thời này người ta đã thấy xuất hiện Lý Bạch (701-756) và Đỗ Phủ (712-710), hai thi nhân lỗi lạc nhất của Trung quốc. Thời này cũng là thời của Dương quý phi, vợ Huyền tông. Về mặt chính trị, trung quốc cũng được uy thế chẳng kém gì thời Thái tông.

Trong thời Huyền tông, ở có Việt không có biên cố nào quan trọng, trừ ra cuộc nổi dậy của Mai Thúc Loan. Cuộc nổi dậy này xem chừng có một qui mô đáng kể. *Tân Đường thư* (9) thuật rằng ông tự xưng là Mai Hắc đế, huy động dân chúng của 32 châu, liên kết với các nước ngoài, như Lâm ấp, Chân Lạp, Kim lân, để chiếm cứ Hải nam. Quân của ông có đến 40 vạn người. Không rõ những chi tiết đó hư thực bao nhiêu, nhưng biên cố đã làm cho Huyền tông lo lắng. Vua sai viên Nội thị tá giám môn vệ tướng quân là Dương Tư Húc, và An nam đó hộ là Quang Sở Khách đem 10 vạn quân sang dẹp. Hai ông này theo con đường Mã Viện đã đi trước kia để vào có Việt, xông đánh Thúc Loan một cách bất ngờ, bắt

được ông và giết đi. Có điều này đáng chú ý là Ngô Sĩ Liên thường ca ngợi những người nổi dậy ở cổ Việt, nhất là những người đã từng xưng đế, xưng vương. Vậy mà trong *Toln thư* chúng ta thấy Mai Thúc Loan bị gọi là « tặc tướng ». Như thế, phải chăng vì ông này không phải thuộc về cùng một giống như người Việt ta ? (30)

Thời Huyền tông, vào năm 742, số binh sĩ đóng ở Annan phải là 4 200 người. (31)

4) Một thế kỷ sau Huyền tông.

Huyền tông đã kết thúc triều đại ông một cách buồn bã. Năm 756, một thân thân của ông, An Lộc Sơn, nổi loạn. Ông phải trốn tránh vất vả rồi nhường ngôi cho con là Túc tông (756-761). Sau đó, Đại tông (762-779) tiếp tục dẹp loạn, cố khôi phục lại uy quyền nhà Đường. Các vua kế tiếp, như Đức tông (780-805), Thuận tông (805), Hiến tông (806-820), Mục tông (821-825), Kính tông (825), Giáng vương Ngô (826) và Văn tông (827-840), đều phải dựa vào thế lực các thủ lĩnh Hối hốt để giữ vững quyền binh. Thời các vua Võ tông (841-846) và Tuyên tông (847-859) nhà Đường đã trở thành lu mờ.

Ở cổ Việt, trước hết có cuộc nổi dậy của Đỗ Anh Hàn, 767. Anh Hàn là tù trưởng các dân nam. Theo sự thường họ không phải là thứ người hiền loạn, nhưng khi bị đàn áp quá bởi những tay tham soái, họ ắt đứng lên chống đối. Bây giờ An nam đô hộ Cao Chính Bình, thật là một tham quan: thuế má dân phải đóng rất nặng. Bởi đó! Đỗ Anh Hàn chỉ huy quân man đến vây đô hộ phủ, làm cho Chính Bình sợ mà chết. Khi biết rằng quan đô hộ tham tàn đã chết, họ đều xin hàng. (32)

Trong thời này, dân cổ Việt có người làm lớn, đó là Khương Công Phụ người huyện Nhật nam, thuộc Ái châu. Công Phụ chẳng những đã làm vinh danh cho nơi sinh trưởng của ông, mà còn là một nhân vật quan trọng của lịch sử Trung quốc. Truyện ông đã được thuật trong *Đường thư* và *Tân Đường thư*. Ông đậu đèn tiền sĩ, được bổ làm Hiệu thư lang. Tài đối đáp hùng hồn của ông đã làm cho ông được chức Hàn lâm học sĩ, rồi Thượng thư. Khi thầy Chu Tỉ nắm trong tay quá nhiều quyền binh, ông đã khuyên Đức tông giết đi vì « dưỡng hổ vô tự vi hại ». Dấu vua không nghe, Công Phụ vẫn kiên nhẫn trình bày mọi nỗi nguy nan. Ở Phụng thiên, vua đã thoát nạn nhờ lời ông trấn tâu, nên ông được chức Thứ nghị đại phu đồng trung thư môn hạ bình chương sự. Sau đó, vì cứ can gián vua, nên vua giận giáng chức ông xuống. Cuối cùng ông được đặt làm thứ sử Cát châu, nhưng chưa đến nhiệm sở đã chết. (33)

Năm Nguyên hòa thứ tư, (809) đất cổ Việt bị ba vạn quân Chiêm thành tấn công, do chính Hoàn vương cấm dấu. Quan đô hộ An nam là Trương Châu, vào tháng tám, đã đẩy lui được lực lượng địch. Mười năm sau, lại có loạn Dương Thanh (819). Ông này cai trị dân man di, bị quan đô hộ Lý Tượng Cổ gọi về bắt làm nha tướng, nên rất uất hận. Tượng Cổ lại có tiếng tham túng hà khắc, ai ai cũng ghét. Bầy giờ ở vùng Hoàng động dân man đang nổi lên chống chính quyền. Kể từ thời Trinh nguyên (785-804), thủ lĩnh họ là Hoàng Thiệu Hương luôn luôn quấy rối. Bùi Hành Lập ở Quê quán và Dương Mãn ở Dung quán đã đem quân đánh dẹp mà thất bại. Quan đô hộ An nam cũng muốn lập công, sai Dương Thanh đi trừ loạn. Không ngờ ngày nhâm tuất tháng 10, năm đó, thay vì đi đánh Thiệu Hương, Dương Thanh, với ba nghìn quân, đã quay lại

giết Tượng Cổ và gia nhân cùng thuộc hạ, tất cả đến hơn nghìn người. (34)

Triều đình biết rõ có sự, tha cho Dương Thanh và đặt ông làm thứ sử Quỳnh châu, cùng đặt Quê Trọng Võ làm An nam đô hộ. Tháng hai năm sau, khi Trọng Võ đến, Thanh không cho vào. Nhưng bây giờ vì Thanh tàn bạo, thù hạ đã ly tán nhiều. Trọng Võ dụ dỗ họ, nhiều người xin hàng. Triều đình lấy lễ Trọng Võ chậm chạp, phạt làm An châu thứ sử, đặt Bùi Hành Lập làm An nam đô hộ. Trong lúc đó, tướng sĩ của An nam phủ mở cửa đón Trọng Võ vào, và bắt Dương Thanh giết đi. Hành Lập cũng sang nhậm chức, nhưng đến Hải môn thì chết. Trọng Võ được phục chức vào ngày tân vị, tháng ba năm Nguyên hòa thứ 15. (35)

Sau đó, nhiều nơi không được yên. Năm Tường khánh thứ ba, (823), quan đô hộ An nam tâu về triều rằng người Liêu ở Lục châu đánh phá châu huyện. Tháng tư và rồi tháng chín lại tâu rằng dân man Hoàng động phá phách. Năm sau, vào tháng tám, cũng tâu như vậy. (36)

Năm thứ hai hiệu Thái hòa, (828), vào tháng sáu, thứ sử Phong châu, Vương Thăng Chiêu, làm loạn. Đô hộ An nam là Hàn Ước đánh được và giết đi. Nhưng Hàn Ước không khôn khéo, công minh, nên tháng chín năm đó, vào ngày canh tuất, lại bị binh sĩ trong phủ thành nổi dậy trục xuất.

Thời Võ tông, quan Kinh lược sứ An nam tên là Võ Hồn. Trong một thời an ninh bị đe dọa, ông chăm nom đến thành quách. Nhưng tướng sĩ phải làm việc nhiều lại ghét ông, nổi dậy chống. Tháng 11, năm Hội xương thứ ba, (844), họ đốt lâu trong thành, cướp kho của phủ. Võ Hồn sợ

hãi chạy về Quảng châu. Viên giám quân là Đoàn Sĩ Tắc phủ dụ tướng sĩ, tình hình lại được yên ổn (37)

Năm Hội xương thứ sáu (846) vào tháng chín, ở An nam, dân man đánh phá. Kinh lược sứ Bùi Nguyên Hữu lấy quân các đạo chung quanh dẹp yên được. Năm Đại trung thứ 11 (857), dân man ở khe động Lĩnh nam nổi dậy. Vua đặt Hữu thiên ngu đại tướng quân Tông Nhai làm tuyên úy sứ An nam và Ung quân, rồi làm An nam kinh lược sứ. Nhưng bây giờ ở Dung quân, quân đội nổi loạn, đuổi kinh lược sứ Vương Cầu, nên tháng sáu năm đó, Tông Nhai lại làm Kinh lược sứ Dung quân. (38)

Cuối đời Tuyên tông, có Việt được một vị cai trị có tài tên là Vương Thức. Ông được đặt làm đô hộ kinh lược sứ An nam vào tháng giêng năm Đại trung thứ 12 (858), nghĩa là vào một lúc nền an ninh rất bị lung lay. Đến nơi ông liền nghĩ đến việc phòng thủ phủ thành, như trồng cây « điều » làm hàng rào trong, giữa đào hào, ngoài trồng tre gai. Đàng khác, việc huấn luyện binh sĩ được thực hiện chu đáo. Không lâu, có một bọn nam man kéo đến. Thức ung dung cho người giải dịch hơn thiệt cho họ, họ rút về. Ông cũng chỉnh đốn trật tự, không ngăn ngại phạt La Hành Cung lạm quyền làm bậy. Ở Giao châu bây giờ có một số người hay sinh sự, phao tin rằng giặc Hoàng đầu ở Dung quân đang đến xâm chiếm, mục đích là gây cơ hội kéo đến phủ trục xuất quan đô hộ về bắc. Không nao núng tí nào, Vương Thức lên thành, cho dựng cờ đại tướng, mở lời mắng trách loạn quân. Họ bỏ chạy, nhưng bị ông bắt được giết hết. Ông cũng lo việc khao thưởng binh sĩ và gửi công lễ về triều đình. Mùa năm

trước đó, những việc như thế đã bị phê
trê. (39)

5) Chính trị thời Đường Mạt.

Các Đường đế của hạ bán thế kỷ thứ 9 đều là những nhà cai trị không mấy tên tuổi, và hình như họ rút vào bóng tối dần dần cho đến khi triều đại chấm dứt vào năm 907. Sau Tuyên tông, tính ra còn có Ý tông (860-873). Hy tông (874-888), Chiêu tông (889-904) và Ai tông (905-907). Đang khi đời sống của họ bị đóng khung giữa các hoạn quan và đạo sĩ, biên thù bị rời loạn liên miên. Ở phía Tây, người Tây tạng xâm lăng, và khi nạn Tây tạng bớt nguy, thì nạn Nam chiếu xuất hiện. Nạn Nam chiếu này đã làm cho có Việt phải chịu tang tóc nhiều nhất.

Trước kia ở miền tây có Việt có sáu chiếu của dân man. Năm 738, chiếu Mông xá đã sáp nhập sáu chiếu lại làm một và vua Trung quốc phong cho làm Văn Vân nam quốc vương. Nam chiếu muốn mở mang về phía đông nên đã đặt một viên Thác đông tiết độ sứ. (40)

Viên độ hộ Lý Trác cai trị An nam trước Vương Thúc, đã cho Nam chiếu một cơ hội tốt để bành trướng. Trác vừa tham lam lại vừa kém mưu lược. Thường ông đòi một đầu muối lấy một con bò hay một con ngựa của dân nam. Ông giết viên tù trưởng họ là Lý Tôn hành và rút lực lượng Trung quốc trú phòng ở vùng thượng. Về trước, vào mùa đông có sáu nghìn quân đóng ở Lâm tây tuyến, thuộc Phong châu. Viên tù trưởng vùng này dựa vào lực lượng đó để đầu thuộc nộp về phò. Khi Lý Trác bãi đồn Lâm tây tuyến, Do Độ: vừa thấy bơ vơ, lại vừa được viên tiết độ sứ Nam chiếu dụ dỗ và đem con gái gả cho,

nên bỏ An nam theo Nam chiếu. Thế là nạn Nam chiếu bắt đầu.

Tháng năm, năm thứ 12 hiệu Đại trung (858), quân Nam chiếu đến cướp phá. Vương Thúc đánh đuổi được. Nhưng rồi Thúc được gọi về dẹp loạn Cửu Phủ ở Chiết đông, và Lý Hù sang thay. Độc ác, Hù giết tù trưởng Đỗ Thủ Dăng, làm cho người man hết sức oán giận. Bảy giờ quân Nam chiếu đang đánh phá Bá châu thuộc đạo Kiến trung, Hù muốn lập công bèn mang quân đi dẹp. Không ngờ, nhân lúc phủ thành dễ trồng, người nam mời Nam chiếu kéo ba vạn quân đến. Tháng chạp năm đó hiệu Hàm thông, Lý Hù phải chạy về Vô châu, chiếu mộ người man, trở về đánh đuổi được dân Nam chiếu ra khỏi thành. (41)

Trong lúc đó, vua Đường chưa biết rằng Hù đã chiếm lại phủ, lại muốn lấy lòng dân man cho yên chuyện, nên giáng Hù làm tư hộ Chiêm châu, và đặt Vương Khoan làm An nam đô hộ kinh lược sứ. Bảy giờ là vào giữa năm 851. Năm sau (862), Nam chiếu trở lại. Vua sai Sái Tập sang thay Khoan, đem theo ba vạn quân. Thấy thế, dịch rút lui. Tiết độ sứ Lĩnh nam là Sái Kinh không muốn cho Sái Tập lập công, tâu vua tình hình đã yên, và xin bãi binh. Vua nghe Sái Kinh bãi binh, mặc cho Tập tâu đi tâu lại rằng tình hình vẫn còn trầm trọng. Nhưng Kinh độc ác, không lâu sau đã bị binh sĩ nổi dậy đuổi đi. Phán Sái Tập, vào cuối năm, bị Nam chiếu đem đánh lần nữa với năm vạn người, Dịch chiếm phủ thành Giao chỉ, còn Tập thì bị chết hết chừng 25 vạn người An nam, lưu Tur Tản lại trấn giữ Giao chỉ, dưới quyền của tiết độ sứ Đoàn Tù Thiên, ở Thiệu viễn.

Khi Tập kêu cứu, quân các đạo Kinh nam,

Hồ nam, đã được lệnh ra đi, nhưng bị Linh nam tiết độ sứ Vi Trụ giữ lại để phòng thủ Ung châu sau có một số sang Giao chỉ thì thành đã mất. Bây giờ vua bỏ An nam đô hộ phủ và lập Hành Giao châu ở Hải môn, đặt Tống Nhung làm thứ sử cùng giao viện quân cho Khang Thừa Huân. Mùa thu, đặt lại An nam đô hộ phủ, cho Tống Nhung làm kinh lược sứ lo việc tái chiếm An nam. Nhưng Đường binh vẫn lưu lại Linh nam không chịu tiến, hao tổn lương thực...

Năm Hàm thông thứ năm (864), quân số ở Hải môn đã lên đến hai vạn rưỡi. Nhưng được lệnh tiến quân, nhưng lại do dự mãi. Bây giờ Cao Biền được đặt làm An nam đô hộ kinh lược chiêu phạt sứ. Viên Giám quân ở Hải môn, Lý Duy Chu, rất ghét Biền, giục Biền khởi hành trước, có ý trừ đi Năm thứ sáu hiệu Hàm thông, vào mùa thu, Biền tiến quân. Mặc dầu không có lực lượng ứng viện như Duy Chu đã hứa, Biền cũng thắng được Nam chiêu ở Phong châu, đoạt được nhiều lúa làm quân lương. Tại An nam phủ lúc đó Phan-xi-ta của Nam chiêu làm đô thống, và Trương Tập làm phó. Cao Biền, khi được vị Trọng Tề đem bảy nghìn quân đến tăng cường, ông càng đánh hăng và thắng Nam chiêu nhiều trận. Không may, tin thắng tràn gởi về, đều bị Duy Chu gìm mật, khiến cho vua cứ tưởng Biền chưa chịu đánh. Vua giận, đặt Vương An Quyển sang thay Biền và đòi ông về kinh để phạt. Trong lúc đó, quân Nam chiêu thua Biền phải rút vào thành cồ thứ. Tháng 10, năm Hàm thông thứ bảy, thành An nam sắp được tái chiếm, thì bỗng Biền được lệnh triệu hồi. Ông liền giao quyền cho Vi Trọng Tề và lên đường ngay. Nhưng trước đó, ông và Trọng Tề đã cho người mang tin thắng trận về cho triều đình. Đường đế nhận được, mừng lắm, ban cho ông chức Kiểm hiệu Công bộ Thượng thư, truyền

trở lại đánh Nam chiêu. Đền Hải môn, được lệnh đó, Biền lại trở về An nam.

Lý Duy Chu và Vương An Quyển đền Giao chỉ, lo làm giàu, không lo đánh giặc. Tướng sĩ ghét họ không chịu canh phòng, khiến quân Nam chiêu thoát được vòng vây quá nửa. Đền nơi, Biền hết sức thúc giục binh sĩ chống đánh, chẳng bao lâu đã hạ được thành. Ông giết Đoàn Từ Thiên và tên dẫn đường cho quân Nam chiêu là Chu Đạo Cổ. Quân Nam chiêu chết hơn ba vạn, Biền còn đánh hai động dân man và giết được hai tù trưởng. Dân man đầu hàng đến một vạn bảy nghìn người.

Bây giờ vua truyền cho binh sĩ các nơi đâu về giữ cương giới này, đừng đánh nữa. Nhà ngoại giao Lưu Đồng Hiệu được lệnh nối lại với Nam chiêu tình giao hảo như xưa. Phần An nam phủ nay được gọi là quận Tĩnh hải, và Cao Biền làm tiết độ sứ. Ông dựng hơn bốn chục vạn căn nhà cho dân ở. Ông còn có công thuê thợ đục những tảng đá ngấm trên đường thủy đi Ung châu cho thuyền qua lại khỏi bị nạn. Tháng tám năm Hàm thông thứ chín (868) khi được gọi về làm Kim ngô đại tướng quân, Ông đã xin cho cháu là Cao Tầm thay thế, và đã được như ý. (42)

Năm đầu hiệu Quảng minh (880), lời tháng ba, binh sĩ An nam làm loạn Tiết độ sứ Tăng Côn phải trốn ra khỏi thành, đánh mấy tháng mới thắng được. Vào tháng hai năm Thiên hựu thứ hai (905), tiết độ sứ Tĩnh Hải, Chu toàn Dục, bị em là Hộ quốc Tuyên võ Tuyên nghĩa, Trung võ tử trần tiết độ sứ Chu Toàn Trung thời chức đề về trí sĩ. Toàn Dục đã bị trách là quê mùa, lười biếng, bắt tài, làm không chạy việc. Ngày mậu dần tháng ba năm đó, viên thị lang đồng bình chương sự Độc Cô Tôn được cử làm bình chương sự kiêm tiết độ sứ Tĩnh hải. Nhưng ông này chống

với Toàn Trung nên bị hạ làm thứ sử Đệ châu, rồi Tư hộ Quỳnh châu, rồi phải tự tử. Trong khi số phận của Cồ Tôn xảy ra như thế, thì ở cổ Việt Khúc Thừa Dụ lên làm tiết độ sứ. Ông được Trung quốc công nhận và giữ chức được hai năm. Tháng bảy, năm đầu hiệu Khai bình, ông mất (907) và con là Khúc Hạo lên thế. (43)

VIII. CHÍNH TRỊ THỜI NGŨ ĐẠI (907 - 957).

Thời Ngũ đại tức là những năm giữa nhà Đường và Tống. Sự yếu đuối của những vị vua thời mạt Đường đã khiến nhiều kẻ sẵn sàng đứng lên tự chủ ở vùng đất họ đang cai trị. Đa số những người này tuyên bố độc lập là chông lại nhà Hậu Lương vì chiếm ngôi nhà Đường.

Tháng tư năm Thiên hựu thứ tư, Chiêu tuyên đế nhà Đường bị Chu Toàn Trung bắt từ chức, rồi sang năm sau bị giết. Kể từ khi được đặt làm tiết độ sứ Khai phong, vào năm 883, Toàn Trung đã mưu đồ sáng nghiệp. Năm 900, ông chiếm Hà bắc, rồi đến Trường an (901) nắm quyền hành. Ba năm sau, ông dời đô về Lạc dương, giết Chiêu tông cùng con cái, chỉ trừ có người con thứ chín, 13 tuổi để kế vị, đó là Chiêu tuyên đế, như vừa nói. Triều đại của Toàn Trung chỉ đến năm 923 là hết.

Khi Toàn trung lên ngôi, Lý Khắc Dụng tuyên bố độc lập ở Sơn tây, đó là nhà Tấn, Dương Hành Mật tuyên bố độc lập ở Dương châu, đó là nhà Ngô, Lý Mậu Trinh tuyên bố độc lập ở Thiểm tây, đó là nhà Tần. Một số các nước khác cũng được thành lập, như nước Ngô Việt của Tiền Liêu, nước Mân của Vương Thâm Tri, nước Thục của Vương Kiên. Như thế, nếu ở cổ Việt hào kiệt

nghĩ đến việc tách ra khỏi Trung quốc cũng không có gì là lạ, nhưng việc đó chưa thực hiện được ngay.

Năm 908, nhà Hậu Lương đặt Lưu Ân, tiết độ sứ Thanh hải, kiêm chức tiết độ sứ Tĩnh hải. Năm sau, Lưu Ân được phong làm Nam bình vương. Khi Lưu Ân mất, vào tháng ba năm đầu hiệu Càn hóa (911), em ông là Lưu Yêm kế vị, nhưng chức tiết độ sứ Tĩnh hải lại được giao cho Khúc thừa Mỹ, con của Khúc Hạo, ngày mậu ngọ tháng chạp năm đó, tức là ngày 31 tháng 12, 911. (44).

Lưu Yêm càng ngày càng kiêu căng đòi nhà Hậu Lương cho thêm quyền binh. Mạt đề từ chối một cách cương quyết, nên Yêm đoạn tuyệt với trung ương (915) và tự xưng là Đại việt đế. Ba năm sau, vào tháng tám, năm thứ tư hiệu Trinh minh, ông đổi tên triều đại là Nam hán, lấy niên hiệu là Càn hương. Từ đó, nhà Nam Hán nhiều lần khuyến Thừa Mỹ thần phục, nhưng viên Tiết độ sứ liệt Yêm vào hạng phản trắc nên cứ trung thành với nhà Hậu Lương.

Năm 923, ngôi thiên tử về tay nhà Tần. Kể từ năm 907, nhà Tần ở vùng Sơn tây đã không nhận quyền nhà Hậu Lương, nay đứng lên lật đổ dòng dõi của Chu Toàn Trung và lấy tên triều đại là Hậu Đường. Như thế, Thừa Mỹ mất chúa cũ và rất dễ làm mối cho tham vọng của Lưu Yêm. Nhưng biết việc đánh Tĩnh hải không phải dễ dàng, nên Yêm đợi thời, và mãi đến năm 930 mới quyết định thù sức với họ Khúc. Năm đó Yêm sai hai tướng là Lý Thủ Dung và Lương Khắc Trinh sang Giao chỉ, Thừa Mỹ không may thật bại bị điệu về Nam hải. Yêm tiếp Thừa Mỹ ở lâu Nghi phượng, nói rằng: « Công thường bảo ta là ngụy, sao nay lại phải quay mặt đi và trối tay như thế? » Thừa

với Toàn Trung nên bị hạ làm thứ sử Đệ châu, rồi Tư hộ Quỳnh châu, rồi phải tự tử. Trong khi số phận của Cồ Tôn xảy ra như thế, thì ở cổ Việt Khúc Thừa Dụ lên làm tiết độ sứ. Ông được Trung quốc công nhận và giữ chức được hai năm. Tháng bảy, năm đầu hiệu Khai bình, ông mất (907) và con là Khúc Hạo lên thế. (43)

VIII. CHÍNH TRỊ THỜI NGŨ ĐẠI (907 - 957).

Thời Ngũ đại tức là những năm giữa nhà Đường và Tống. Sự yếu đuối của những vị vua thời mạt Đường đã khiến nhiều kẻ sẵn sàng đứng lên tự chủ ở vùng đất họ đang cai trị. Đa số những người này tuyên bố độc lập là chống lại nhà Hậu Lương vì chiếm ngôi nhà Đường.

Tháng tư năm Thiên hựu thứ tư, Chiêu tuyên đế nhà Đường bị Chu Toàn Trung bắt từ chức, rồi sang năm sau bị giết. Kể từ khi được đặt làm tiết độ sứ Khai phong, vào năm 883, Toàn Trung đã mưu đồ sáng nghiệp. Năm 900, ông chiếm Hà bắc, rồi đến Trường an (901) nắm quyền hành. Ba năm sau, ông dời đô về Lạc dương, giết Chiêu tông cùng con cái, chỉ trừ có người con thứ chín, 13 tuổi để kế vị, đó là Chiêu tuyên đế, như vừa nói. Triều đại của Toàn Trung chỉ đến năm 923 là hết.

Khi Toàn trung lên ngôi, Lý Khắc Dụng tuyên bố độc lập ở Sơn tây, đó là nhà Tấn, Dương Hành Mật tuyên bố độc lập ở Dương châu, đó là nhà Ngô, Lý Mậu Trinh tuyên bố độc lập ở Thiểm tây, đó là nhà Tần, Một số các nước khác cũng được thành lập, như nước Ngô Việt của Tiền Liêu, nước Mân của Vương Thâm Tri, nước Thục của Vương Kiên. Như thế, nếu ở cổ Việt hào kiệt

nghĩ đến việc tách ra khỏi Trung quốc cũng không có gì là lạ, nhưng việc đó chưa thực hiện được ngay.

Năm 908, nhà Hậu Lương đặt Lưu Ân, tiết độ sứ Thanh hải, kiêm chức tiết độ sứ Tĩnh hải. Năm sau, Lưu Ân được phong làm Nam bình vương. Khi Lưu Ân mất, vào tháng ba năm đầu hiệu Càn hóa (911), em ông là Lưu Yêm kế vị, nhưng chức tiết độ sứ Tĩnh hải lại được giao cho Khúc thừa Mỹ, con của Khúc Hạo, ngày mậu ngọ tháng chạp năm đó, tức là ngày 31 tháng 12, 911. (44).

Lưu Yêm càng ngày càng kiêu căng đòi nhà Hậu Lương cho thêm quyền binh. Mạt đề từ chối một cách cương quyết, nên Yêm đoạn tuyệt với trung ương (915) và tự xưng là Đại việt đế. Ba năm sau, vào tháng tám, năm thứ tư hiệu Trinh ninh, ông đổi tên triều đại là Nam hán, lấy niên hiệu là Càn hương. Từ đó, nhà Nam Hán nhiều lần khuyên Thừa Mỹ thần phục, nhưng viên Tiết độ sứ liệt Yêm vào hạng phản trắc nên cứ trung thành với nhà Hậu Lương.

Năm 923, ngôi thiên tử về tay nhà Tần. Kể từ năm 907, nhà Tần ở vùng Sơn tây đã không nhận quyền nhà Hậu Lương, nay đứng lên lật đổ dòng dõi của Chu Toàn Trung và lấy tên triều đại là Hậu Đường. Như thế, Thừa Mỹ mất chúa cũ và mất đề làm mối cho tham vọng của Lưu Yêm. Nhưng biết việc đánh Tĩnh hải không phải dễ dàng, nên Yêm đợi thời, và mãi đến năm 930 mới quyết định thử sức với họ Khúc. Năm đó Yêm sai hai tướng là Lý Thủ Dung và Lương Khắc Trinh sang Giao chỉ, Thừa Mỹ không may thật bại bị điệu về Nam hải. Yêm tiếp Thừa Mỹ ở lầu Nghi phượng, nói rằng: « Công thường bảo ta là ngụy, sao nay lại phải quay mặt đi và trối tay như thế? » Thừa

Mỹ cúi đầu chịu tội, được Yêm tha cho. Một thú hạ của Yêm là Lý Tiên sang làm thứ sử Giao châu. Nên nhớ rằng Lương Khắc Trinh, sau khi thắng Giao châu, còn vào đánh Chiêm thành, cướp được nhiều báu vật nữa mới về. (45)

Họ Khúc thất bại, đã chấm dứt một giai đoạn bán độc lập của vùng cổ Việt. Nhưng một đảng tình thế Trung quốc bắt ổn, đảng khác dân cổ Việt đã đông và đã ăn liền với khí thiêng sông núi, hơn nữa linh thế của họ đã mở vào đền đèo Hải vân và sang cả bên kia, nên sự thất bại của Thừa Mỹ chỉ là một thử thách nhất thời, nó sẽ kích thích hơn là làm chán nản, lòng ao ước tiền đèo một nền độc lập vĩnh viễn.

CHÚ THÍCH

1. Léonard Arousseau, « Les Théories sur la localisation de la Commanderie de Siang », **B.E.F.E.O.**, XXIII, trang 153-168; Henri-Maspero, « Etudes d'histoire d'Annam III. La Commanderie de Siang ». **B.E.F.E.O.**, XVI, trang 49-55.
2. Ban Cố, **Tiền Hán thư**, quyển 95, trong Bộ Nhị Thập Ngũ Sử, « Tây Nam di lương Việt truyện », trang 603-605
3. Lê Đào Nguyên, **Thủy Kinh chú**, quyển 37, tờ 4a.
4. Tư Mã Thiên, **Sử ký** quyển 113, « Triệu Đà truyện », trong N.T.N.S., trang 251-252.
5. Phạm Việp, **Hậu Hán thư**, quyển 105, « Nhâm Diên truyện », trong N.T.N.S., trang 869.
6. Tư Mã Quang, **Tư Trị Thông Giám**, quyển 52, tờ 6-9.
7. Trong **Toàn thư** của Ngô Sĩ Liên, (quyển 3, tờ 6-9) thấy chép rằng: « Nhật nam phục công thiêu quận ấp. Cửu chân thứ sử Hạ Phương chiêu hàng giả nhi phủ dụ chi » Ở chỗ này, **Tư Trị Thông Giám** nói rõ là « Nhật nam man di phục phản ». Về Hạ Phương, thì không phải là thứ sử Cửu chân, vì ông không hề làm chức đó bao giờ trong đời ông. Nhưng ông là người quê **Cửu giang**, làm thứ sử Giao chi. **Tư Trị Thông giám** (quyển 52 trang 33) chép: « Giao chi thứ sử Cửu giang Hạ Phương ».
8. Tư Mã Quang, **sách đá dẫn**, quyển 57, tờ 16
9. Phạm Việp, **sách đá dẫn**, quyển 61, « Giả Tuna ruyện », trang 767.
10. Bài ca này lấy theo **Hậu Hán thư**, còn trong **Toàn thư** (quyển 3, tờ 7a), thì chép:

Giả phụ lai văn,
Sử ngã tiên phản,
Kim kiến thanh bình,
Bất cảm phục phản.

11. Trần Thọ, **Tam quốc chí, Ngô Thư**, quyển 4, trong bộ N.T.N.S., «**Sĩ Nhiếp truyện**», trang 1041-1042.

12. Trần Thọ, **sách đã dẫn, Ngô chí**, quyển 15, «**Lữ Đại truyện**», bộ N.T.N.S., trang 1052 cột 4.

13. Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 78, tờ 6, 26-27.

14. Đường Thái tông Văn hoàng đế, **Tấn thư**, quyển 57 trong N.T.N.S., «**Đào Huỳnh truyện**», trang 1234 cột 4; Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 79, tờ 16a.

15. Đường Thái tông Văn hoàng đế, **sách đã dẫn**, quyển 57, trong N.T.N.S., «**Ngô Ngạn truyện**», trang 1235 cột 2.

16. Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 89 tờ 17a, quyển 92, tờ 20a, quyển 104, tờ 24-25. Quyển 116 tờ 4-5; Đường Thái tông Văn hoàng đế, **sách đã dẫn**, quyển 59, «**Vương Lượng truyện**», trang 1314 cột 3.

17. Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 99 tờ 2, quyển 116 tờ 17a quyển 119 tờ 4a. Đường Thái tông Văn hoàng đế, **sách đã dẫn**, quyển 8, trang 1095 cột 2, trang 1099 cột 2, quyển 10, trang 1100 cột 2.

18. Lương Trần Ước, **Tổng sử**, trong N.T.N.S., quyển 5, trang 1428, quyển 8, trang 1434 cột 2, 3, quyển 38, trang 1540, quyển 76 trang 1613 cột 4; Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 122, tờ 8a, 20a, quyển 124 tờ 26, quyển 125 tờ 2b, quyển 132 tờ 16a.

19. Túc Tử Hiền, **Nam Tề thư**, quyển 3, trong N.T.N.S., trang 1671, cột 2, Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 135 tờ 2, quyển 136 tờ 8a, quyển 137 tờ 11a.

20. Đào Tư Kiêm, **Lương thư**, trong N.T.N.S., quyển 2, trang 1769 cột 1 trang 1770 cột 2, quyển 3, trang 1771, cột 2, trang 1773, cột 1, 2, **Trần thư**, quyển 1, trang 1350, cột; Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 158 tờ 17, 20, 21, 27, quyển 159 tờ 3, 12, 15, quyển 180 tờ 8b.

21. **Đại Việt Sử ký Toàn thư** nói rằng Lý Bí lấy niên hiệu là Thiên đức. Nhưng **Tư trị thông giám** chép (quyển 158 tờ 27b): Đại đồng thập niên, chính nguyệt, Lý Bí tự xưng Việt đế, trí bách quan, cải nguyên Đại đức»

22. Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 177, tờ 13a.

23. Trương Tôn và Vô Kỵ, **Tùy thư**, trong N.T.N.S., quyển 2, trang 2350 cột 2, quyển 53 «**Lưu Phương truyện**», trang 2483, cột 3; Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 179, tờ 28-29.

24. Lý Diên Thọ, **Bắc sử**, trong N.T.N.S., quyển 73 trang 2976 cột 4, quyển 95 trang 3037 cột 1; Lưu Hu, **Đường thư**, trong N.T.N.S., quyển 59 «**Khâu Hòa truyện**», trang 3296 cột 4, quyển 65 «**Cao Sĩ Liêm truyện**», trang 3309 cột 1; Âu Dương Tu, **Tân Đường thư**, quyển 90, trang 3897 cột 2 và quyển 95 trang 3903, cột 3, 4. Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 185, tờ 19-20; Nguyễn Phương. «**Những sai lầm của Đại Việt sử ký Toàn thư**», Đại học, tháng 10, 1962, trang 784-799.

25. Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 193, tờ 2, 3.

26. Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 195, tờ 6, 12. Ngày Kỷ Tị tháng 11, năm 12 hiệu Trinh quán tức là ngày 4 tháng 1, 639 dương lịch.

27. Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 201 tờ 11.

28. Âu Dương Tu, **sách đã dẫn**, quyển 4, trang 3641 cột 1, quyển 201, trang 4099 cột 3; Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 204, tờ 2b.

29. Âu Dương Tu, **sách đã dẫn**, quyển 207 «**Dương Tư Húc truyện**», trang 4111 cột 3.

30. Tư Mã Quang gọi Mai Thúc Loan là Mai Thúc Yên (**Tư trị thông giám**, quyển 212 tờ 19a). Xem Lưu Hu **sách đã dẫn**, quyển 8, trang 3082 cột 2, quyển 184 trang 3556 cột 1.

31. Tư Mã Quang, **sách đã dẫn**, quyển 215 tờ 4.

32. **Toàn thư** (quyển 5 tờ 6a) kể rằng, cùng đi đánh quân Tàu với Đỗ Anh Hân có một người Mường tên là Phùng Hưng. Sau khi đánh xong, không lâu, Phùng Hưng mất, con ông là Phùng An lập đền thờ ông và gọi ông là Bố Cái Đại vương.

33. Lưu Hu, sách đã dẫn, quyển 138, « Khương Công Phụ truyện », trang 3453, cột 4; Âu Dương Tu, sách đã dẫn, quyển 152, trang 4007, cột 1.

34. Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 241, tờ 13b, quyển 243, tờ 35a.

35. Ngày tân vị tháng ba năm Nguyên hòa thứ 15 tức là ngày 15-5-820.

36. Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 243 tờ 2a, 6a, 14b.

37. Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 243 tờ 35a, quyển 247, tờ 23a.

38. Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 249 tờ 20b.

39. Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 249 tờ 23, 24a.

40. Lưu Hu, sách đã dẫn, quyển 195, trang 3610 cột 4, Âu Dương Tu, sách đã dẫn, quyển 222 thượng, trang 4156; Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 214, tờ 24b.

41. Âu Dương Tu, sách đã dẫn, quyển 222, trang 4157 cột 3. Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 250, tờ 13a.

42. sách đã dẫn, quyển 182, « Cao biên truyện » trang 3550; Âu Dương Tu, sách đã dẫn, quyển 224 hạ, trang 4169; Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 250, tờ 25. Lê Tác, An nam chí lược, trang 169.

43. Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 266, tờ 17b. Ngày mậu dần tháng ba, năm Thiên hựu thứ hai, tức là ngày 26 tháng 4, năm 905. Việt sử lược, nói Độc Cô Tôn đã sang Tĩnh hải làm Tiết độ sứ thay Chu Toàn Dục, nhưng sự thực, Cô Tôn không hề sang cõi Việt. Là Tề tướng của nhà Đường, và địch thủ của Chu Toàn Trung, Cô Tôn bị Toàn Trung hạ xuống làm Bình chương sự kiêm tiết độ sứ Tĩnh hải ngày 26-4-905, nhưng ông không đi, và phải hạ nữa làm thứ sử Đệ châu vào ngày

tân vị tháng năm, năm đó, tức là ngày 28-6-905, rồi hạ thêm tư hệ Quỳnh châu ngày mậu ti tháng 6, tức là ngày 5-7-905.

44. Tư Mã Quang, sách đã dẫn, quyển 268 tờ 10a.

45. Âu Dương Tu, Tân Ngũ Đại Sử, trong bộ N.T. N.S., quyển 65 trang 4468 cột 4, trang 4469, 1, 2. Toàn thư (quyển 5, tờ 13a) chép rằng: « Mùa thu, vào tháng bảy, vua Nam Hán sai một tướng giỏi là Lý Khắc Chính đem quân sang đánh Giao châu, bắt được tiết độ sứ Thừa Mỹ đem về ». Hỏi tên Lý Khắc Chính này bởi đâu mà đến? Tên đó không có trong Tân Ngũ Đại sử, cũng như trong Việt sử lược. Phải chăng đây là một trường hợp nữa làm chứng cách chép sử « mượn tượng » của Ngô Sĩ Liên? Theo Tân Ngũ Đại sử có tên hai tướng:

Lý Thủ Dung

Lương Khắc Trinh

Trong hai tên đó gặp được hai yếu tố của tên Lý Khắc Chính: Lý lấy ở tên thứ nhất và Khắc lấy ở tên thứ hai. Nhưng Chính thì lấy ở đâu? Hỏi khó mà theo dõi sự lệch lạc trong óc Ngô Sĩ Liên. Chúng ta có thể đoán rằng bảy giờ cách đọc chữ tr đã lệch ra thành ch, nhưng như thế thì chúng ta có Lý Khắc Chính, chứ sao lại Lý Khắc Chính? Thì đoán thêm tí nữa: Có lẽ Khắc Chính không ý nghĩa bao nhiêu, nên trong óc thông minh của nho gia tự nhiên tách ra Chính. Sự lệch này đã thấy trong An nam chí lược, (trang 190), tại đây Lê Tác đã gọi viên tướng của nhà Nam Hán là Lương Khắc Chính. Và kết quả là Lý Thủ Dung - Lương Khắc Trinh - trí tướng tượng của tác giả = Lý Khắc Chính.